

NGUYỄN VĂN LUYỄN – LÊ MỸ DUNG

MODULE MN

4

**ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN
NHẬN THỨC, NHỮNG MỤC TIÊU
VÀ KẾT QUẢ MONG ĐỢI Ở
TRẺ MẦM NON VỀ NHẬN THỨC**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

- Giáo dục mầm non là giai đoạn đầu của quá trình giáo dục, giáo viên mầm non có vị trí quan trọng trong việc đặt nền móng nhân cách của con người, làm tiền đề cho sự phát triển lâu dài sau này. Giáo viên mầm non là người góp phần quyết định trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục mầm non.
- Sự hiểu biết những đặc điểm phát triển nhận thức ở trẻ mầm non giúp nhà giáo dục có phương pháp giáo dục hiệu quả cho từng lứa tuổi nhất định và hơn nữa cho từng em trên cơ sở vận dụng những hiểu biết này vào việc chăm sóc, giáo dục trẻ.
- Đối với giáo viên mầm non, để có nghiệp vụ sư phạm tốt, mỗi người cần nắm vững khoa học tâm lý nhằm làm chủ quá trình học tập và rèn luyện để trở thành người giáo viên có tay nghề vững vàng.



B. MỤC TIÊU

Sau khi kết thúc đợt hoạt động tập huấn module, học viên đạt được những vấn đề sau:

1. VỀ NHẬN THỨC

- Học viên **PHÁT BIỂU** được đặc điểm phát triển nhận thức ở trẻ mầm non, làm cơ sở để chăm sóc và giáo dục trẻ một cách phù hợp.
- Học viên **PHÂN TÍCH** được những đặc điểm mang tính quy luật về sự chuyển đoạn trong tiến trình phát triển của trẻ từ lọt lòng đến 6 tuổi.
- Học viên **XÁC ĐỊNH** được mục tiêu phát triển nhận thức ở trẻ mầm non.

2. VỀ KĨ NĂNG

- Học viên **SỬ DỤNG** được một số phương pháp, kĩ thuật đơn giản, **ỨNG DỤNG** vào việc chăm sóc và giáo dục phù hợp với đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mầm non.
- Bước đầu **TỰ ĐUA RA** được các cách thức riêng, phù hợp để chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non ở mức độ nhất định.

3. VỀ THÁI ĐỘ

- Học viên có thái độ **KHÁCH QUAN, KHOA HỌC, THẬN TRỌNG** trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.

- Học viên có ý thức TỰ RÈN LUYỆN thường xuyên để nâng cao trình độ kỹ năng chăm sóc và giáo dục phù hợp với đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ lứa tuổi mầm non.



C. NỘI DUNG

Hoạt động 1: Xác định đặc điểm phát triển nhận thức ở trẻ trong năm đầu (từ lọt lòng đến 15 tháng)

1.1. MỤC TIÊU

- Xác định được đặc điểm phát triển nhận thức ở trẻ trong năm đầu (từ lọt lòng đến 15 tháng).
- Liên hệ được với thực tiễn chăm sóc và giáo dục trẻ ở lứa tuổi này.

1.2. THÔNG TIN CƠ BẢN

a. Về nhận thức cảm tính

- Trẻ sơ sinh chưa có tri giác, trẻ chưa tiếp nhận rõ ràng kích thích từ bên ngoài. Trong tuần đầu ở trẻ mới nẩy sinh cảm giác, được biểu hiện ở những phản ứng vận động của trẻ – là những phản xạ định hướng. Hết tuần đầu, trẻ bắt đầu có những phản ứng phân định. Cho đến tuần thứ sáu, trẻ có thể cảm nhận được một số kích thích từ môi trường bên ngoài, đặc biệt trẻ sớm nhận ra mặt người, đây là một đặc điểm quan trọng của trẻ sơ sinh, biểu hiện nhu cầu về ấn tượng bên ngoài của trẻ. Chính nhu cầu này là cơ sở cho những nhu cầu khác của trẻ như nhu cầu giao tiếp, nhu cầu nhận thức...
- Qua tháng thứ hai, cảm giác từ mắt mới bắt đầu đóng vai trò quan trọng, trẻ thường nhìn mắt mẹ lúc bú. Đến tháng thứ ba, trẻ nhận ra một hình tổng thể 3 chiều, sự xuất hiện cảm giác từ xa giúp cho định hướng vào môi trường, ở thời kì này, vai trò của môi miệng vẫn là chủ yếu.
- Từ tháng thứ ba ở trẻ xuất hiện sự phân tích và tổng hợp phức hợp các kích thích phức tạp, trẻ bắt đầu tri giác sự vật – những cái có ý nghĩa hơn cả đối với cuộc sống của trẻ, trước hết là người mẹ, sau đó là các đồ vật khác. Trẻ bắt đầu dùng hai tay để sờ mó đồ vật. Hai bàn tay tạo ra những ấn tượng xúc giác về đồ vật, giúp cho trẻ biết được vài đặc tính đơn giản của chúng. Đến tháng thứ tư trẻ bắt đầu nắm lấy đồ vật. Nhiều khi trẻ

nắm chắc trong tay một đồ vật lâu, nhưng vẫn chưa làm chủ hoàn toàn hành động nắm. Càng về cuối năm động tác nắm càng chính xác hơn.

- Từ tháng 10 – 11 xuất hiện tri giác nhìn hình dạng và độ lớn, thể hiện sau khi nhìn đồ vật định lấy, trẻ đặt bàn tay phù hợp với thuộc tính của đối tượng.

Sự nhận biết được hình thành qua một quá trình kéo dài từ sơ sinh đến 18 tháng với 6 giai đoạn:

- Hai giai đoạn đầu là phản xạ, rồi một số vận động được lặp lại thành quen thuộc (chủ yếu ở trẻ sơ sinh và đầu tuổi hài nhi).
- Giai đoạn 3: xuất hiện phản ứng quay vòng, một vận động tạo ra một kết quả. Ví dụ: lắc một vật tạo ra tiếng kêu rồi trẻ lắc lại để tìm ra tiếng kêu.
- Giai đoạn 4: đang tìm một vật gì, thấy vật đó biến mất trẻ có ý tìm nhưng không có hướng tìm.
- Giai đoạn 5: đang tìm một vật gì, thấy biến mất, tìm ngay chỗ mà trẻ thấy đồ vật biến mất.
- Giai đoạn 6: dù có thấy hay không thấy đồ vật khi biến mất, trẻ vẫn tìm.
- Tri giác của trẻ liên hệ mật thiết với hành động. Trẻ có thể “tri giác khá” chính xác các thuộc tính, hình dạng, đặc điểm, màu sắc của đối tượng, vị trí của chúng trong không gian khi trẻ cần xác định những thuộc tính đó trong hoạt động thực tiễn vừa sức đối với trẻ.
- Đến tuổi hài nhi, trẻ đã bắt đầu tri giác thuộc tính của đồ vật xung quanh, nắm được những mối liên hệ đơn giản nhất giữa những đồ vật đó và đã bắt đầu sử dụng các mối liên hệ này trong các hành động chơi nghịch của mình.
- Tri giác bằng tai phát triển mạnh gắn liền với giao tiếp bằng ngôn ngữ. Trẻ hai tuổi đã phân biệt được khá tốt âm thanh ngôn ngữ, cũng như âm thanh âm nhạc. Điều này có ý nghĩa quan trọng cho ngôn ngữ phát triển và năng lực âm nhạc được hình thành.

b. Về trí nhớ

- Trẻ mới sinh chưa có trí nhớ, trong năm đầu trẻ tích lũy được một số kinh nghiệm thực tiễn và cảm tính mà ở trẻ những biểu tượng sơ đẳng được hình thành.
- Cuối năm thứ nhất, trẻ có khả năng nhớ lại. Ví dụ, trẻ cố tìm vật thể bị mất, quay đầu về sự vật được gọi đến.

c. Về nhận thức lí tính

- Khi mới sinh, trẻ chưa có tưởng tượng và tư duy. Nhận thức của trẻ bắt đầu từ cảm giác và tri giác sự vật, hiện tượng, hình ảnh đồ của chúng được lưu giữ lại trong trí nhớ.
- Việc nhận thức của trẻ được tiến hành trong quá trình hành động thực tiễn làm cho biểu tượng của trẻ về sự vật, hiện tượng ngày càng rõ ràng, chính xác, đồng thời trẻ còn khái quát kinh nghiệm thu thập được.
- Cuối tuổi hài nhi, ở nhiều trẻ đã xuất hiện những hành động có thể coi đó là mầm mống của tư duy, ví dụ: trẻ kéo cái rổ để lấy quả cam đựng trong đó, như vậy là trẻ biết sử dụng mối liên hệ giữa đối tượng để đạt tới mục đích.

1.3. CÁCH TIẾN HÀNH

- Tự nghiên cứu văn bản tài liệu và tài liệu tham khảo.
- Quan sát trẻ trong thực tế.
- Trao đổi nhóm, phân tích, rút ra những đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ lứa tuổi ấu nhi (từ lọt lòng đến 15 tháng) và những khó khăn gặp phải trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ nếu không hiểu rõ các đặc điểm đó.

1.4. ĐÁNH GIÁ

- Phân tích đặc điểm hoạt động nhận thức cảm tính của trẻ trong những năm đầu tiên (từ 0 đến 15 tháng). Cho một ví dụ minh họa.
- Phân tích đặc điểm trí nhớ của trẻ trong những năm đầu tiên (từ 0 đến 15 tháng). Cho một ví dụ minh họa.
- Phân tích đặc điểm tưởng tượng và tư duy của trẻ trong những năm đầu tiên (từ 0 đến 15 tháng). Cho một ví dụ minh họa.
- Đề xuất biện pháp phát triển hoạt động nhận thức cho trẻ trong những năm đầu tiên (từ 0 đến 15 tháng).

1.5. PHẢN HỒI

- Nắm vững những nội dung chính ở phần thông tin về đặc điểm phát triển hoạt động nhận thức của trẻ trong những năm đầu tiên (từ 0 – 15 tháng).
- Biện pháp phát triển hoạt động nhận thức cho trẻ trong những năm đầu tiên (từ 0 đến 15 tháng):

- + Giữ gìn vệ sinh thân thể, phòng chữa bệnh kịp thời, thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt.
- + Tích cực rèn luyện các giác quan cho trẻ.

Hoạt động 2: Xác định đặc điểm phát triển nhận thức ở trẻ ấu nhi (từ 15 tháng đến 36 tháng)

2.1. MỤC TIÊU

- Xác định được đặc điểm phát triển nhận thức (cảm tính và lí tính) ở trẻ ấu nhi (từ 15 tháng đến 36 tháng);
- Liên hệ được với thực tiễn chăm sóc và giáo dục trẻ ở lứa tuổi này ở nhà trường mầm non hiện nay;
- Xác định được mục tiêu phát triển nhận thức trong chương trình giáo dục mầm non mới hiện nay ở trẻ trong lứa tuổi này.

2.2. THÔNG TIN CƠ BẢN

a. Về nhận thức cảm tính

- Đầu tuổi ấu nhi, tri giác của trẻ chưa hoàn thiện, trẻ chỉ nắm một dấu hiệu, một thuộc tính nào đó, dựa vào nó để nhận biết đối tượng. Những hành động tri giác được hình thành trong quá trình cầm nắm, chơi nghịch nói chung chưa có ý nghĩa nhận biết đối tượng. Tri giác của trẻ được tinh vi, đầy đủ dần chính là nhờ trẻ được hoạt động với đồ vật, nhất là hành động công cụ và hành động thiết lập các mối tương quan. Trong khi hành động với một đồ vật nào đó để lĩnh hội được phương thức sử dụng nó thì đồng thời cũng tri giác được kích thước và hình dạng của nó.
- Từ sự đối chiếu, so sánh những thuộc tính của các đối tượng bằng các hành động định hướng bên ngoài, trẻ chuyển sang so sánh, đối chiếu những thuộc tính của các đối tượng bằng mắt. Một kiểu hành động tri giác mới được hình thành. Trẻ dùng mắt để lựa những đối tượng hay bộ phận cần thiết để hành động được phù hợp ngay mà không cần phải ước thử như trước đây. Chúng được phát triển mạnh ở trẻ lên 3 tuổi.
- Hành động định hướng bằng mắt cho phép trẻ tích lũy được khá nhiều biểu tượng về các đối tượng trong hiện thực và được ghi lại trong kí ức, biến thành các mẫu để so sánh với các vật khác trong khi tri giác chúng. Ví dụ: tri giác với các đồ vật có hình tam giác, trẻ nói là “giống cái nhà”... Việc tích lũy biểu tượng về thuộc tính của các đồ vật tùy thuộc vào mức

độ trẻ làm chủ được sự định hướng bằng mắt trong quá trình hành động với đồ vật.

- Cuối 3 tuổi các hành động định hướng phát triển mạnh, trẻ có thể hành động theo mẫu người lớn yêu cầu.
- Tri giác mối quan hệ giữa các âm thanh theo độ cao cũng được phát triển tốt ở trẻ ấu nhi. Cuối 2 tuổi trẻ tri giác bằng tai được tất cả các âm của tiếng mẹ đẻ.
- Tóm lại, trong suốt tuổi ấu nhi, trẻ có thể tri giác chính xác các thuộc tính hình dạng, độ lớn, màu sắc theo đối tượng, vị trí của chúng trong không gian và có thể so sánh những thuộc tính của đối tượng khác với chúng.

b. Về trí nhớ

- Khi bắt đầu biết đi, trẻ hai tuổi được tiếp xúc được nhiều đối tượng, đồ vật và được sử dụng chúng nên tri thức của trẻ về thế giới xung quanh giàu thêm. Trẻ không chỉ nhận lại tốt mà nhớ lại khá nhiều. Chẳng hạn, trẻ có thể thực hiện được những việc giao phó đơn giản “hãy đặt thìa xuống” ... Trẻ có thể nhớ lại được bài hát, bài thơ, câu ca dao... đơn giản
- Đến 3 tuổi, trí nhớ của trẻ tốt hơn, trẻ nhớ nhiều hơn, trí nhớ liên hệ chặt chẽ với lời nói. Trên cơ sở trí nhớ vận động những hành động thực hành bước đầu đã có, tuy chưa bền vững, chưa được hoàn chỉnh. Ví dụ: trẻ nhớ được người thân đã gặp từ hôm trước...
- Trẻ nhớ không chủ định, trẻ không có ý thức buộc mình phải nhớ một điều gì, trẻ chỉ nhớ những gì hấp dẫn đối với trẻ. Vì vậy, trí nhớ của trẻ không đầy đủ và chính xác, dễ nhớ và cũng hay quên.

c. Về nhận thức lí tính

** Về tưởng tượng:*

- Ở trẻ 2 tuổi có những biểu hiện đầu tiên của tưởng tượng ở trong trò chơi có chủ đề của trẻ, trong hứng thú nghe người lớn kể những câu chuyện đơn giản.
- Trong giai đoạn mới phát triển, tưởng tượng của trẻ còn mờ nhạt, nội dung nghèo nàn, mang tính chất tái tạo thụ động và mang tính chất không chủ định. Trẻ thường lặp lại những hành động đơn giản mà trẻ đã nhiều lần quan sát thấy ở nhà hay ở nhà trẻ, ví dụ: đặt em bé xuống giường, cho ăn...

- Trẻ khó bỏ sung một sự vật nào đó còn thiếu trong trò chơi bằng vật khác mà trẻ nghĩ ra, tưởng tượng ra vật đang cần.
- Trẻ dễ lẫn lộn tưởng tượng và thực tế, ví dụ dễ nhầm hình ảnh phim truyện với hình ảnh thực.

* Về tư duy

- Sự phát triển tư duy của trẻ bắt đầu từ lúc 2 tuổi, là lúc trẻ biết xác lập mối quan hệ chưa có sẵn giữa các đồ vật để giải quyết nhiệm vụ thực tiễn đặt ra. Ví dụ: Trẻ lấy quả bóng lăn vào gầm bàn bằng cách lấy gậy khều bóng ra. Tuy nhiên, việc xác lập mối quan hệ đó nhiều khi chỉ là do ngẫu nhiên. Điều quan trọng ở tuổi ấu nhi là trẻ học được những hành động xác lập mối quan hệ giữa các đồ vật để giải quyết một nhiệm vụ thực tiễn nào đó. Việc đó chỉ có thể thực hiện được trong hoạt động với đồ vật nhờ sự giúp đỡ của người lớn.
- Việc chuyển từ biết sử dụng những mối liên hệ có sẵn hay những mối liên hệ do người lớn chỉ ra sang biết xác lập những mối liên hệ mới giữa các đối tượng là một bước rất quan trọng đối với sự phát triển tư duy của trẻ em. Đó là dấu hiệu của khả năng “bỗng nhiên hiểu ra” (insight) và cũng là dấu hiệu đã làm theo của biểu tượng – J. Piaget gọi trí khôn đó là trí khôn cảm giác – vận động hay giác động.
- Trẻ ấu nhi sử dụng tư duy trực quan – hành động để “nghiên cứu” những mối liên hệ trong thế giới đồ vật xung quanh, loại tư duy này được hình thành trong quá trình thực hiện bằng hành động trực tiếp với đồ vật mang tính chất thử nghiệm nhiều khi ngẫu nhiên tìm ra cách làm, nhờ sự hướng dẫn của người lớn.
- Trẻ có khả năng khái quát ban đầu mang tính độc đáo, trẻ chú ý đến nét bề ngoài của sự vật, hiện tượng và khái quát chúng theo sự giống nhau bên ngoài. Trong sự hình thành những khái quát ban đầu tức là sự hợp nhất trong óc những đồ vật, những hành động có dấu hiệu bề ngoài giống nhau, thì việc lĩnh hội các từ ngữ giữ vai trò hết sức quan trọng; bởi vì ý nghĩa của từ mà người lớn dạy cho trẻ luôn luôn được dùng với ý nghĩa khái quát.

Trẻ dần nhận ra là có một tên gọi chung cho nhiều đồ vật có cùng công dụng, tuy nhiên, đối với những đồ vật có cùng một công dụng nhưng lại có thuộc tính bên ngoài khác nhau thì trẻ rất khó nhận ra.

- Trong khi hoạt động với đồ vật, đặc biệt khi thực hiện những hành động công cụ, không những trẻ nhận ra các chức năng chung của các đồ vật

mà còn nhận ra rằng có nhiều hành động với các công cụ khác nhau nhưng lại có cùng một mục đích.

- Tóm lại, kiểu tư duy chủ yếu của trẻ ấu nhi là trực quan – hành động. Sự phát triển tư duy của trẻ gắn liền với hoạt động đồ vật, trong đó đặc biệt quan trọng là việc thực hiện những hành động công cụ. Đến cuối tuổi ấu nhi bắt đầu xuất hiện một số hành động tư duy thực hiện trong óc không cần phép thử bên ngoài. Đó là kiểu tư duy trực quan – hình tượng, chỉ sử dụng trong khi giải bài toán đơn giản nhất, còn chủ yếu vẫn sử dụng tư duy trực quan hành động.

2.3. CÁCH TIẾN HÀNH

- Nghiên cứu văn bản và tài liệu.
- Tự quan sát trẻ trên thực tế ở lớp.
- Trao đổi nhóm, phân tích, rút ra những đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ lứa tuổi ấu nhi (từ 15 đến 36 tháng) và những khó khăn mà giáo viên gặp phải trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ nếu không hiểu rõ các đặc điểm đó.
- Chỉ ra một số khác biệt về đặc điểm phát triển nhận thức giữa trẻ ở lứa tuổi ấu nhi và hài nhi làm cơ sở để tìm hiểu, đánh giá, tác động chăm sóc và giáo dục trẻ một cách phù hợp.

2.4. ĐÁNH GIÁ

- Phân tích đặc điểm hoạt động nhận thức cảm tính của trẻ ấu nhi (từ 15 đến 36 tháng). Cho một ví dụ minh họa.
- Phân tích đặc điểm trí nhớ của trẻ ấu nhi (từ 15 đến 36 tháng). Cho một ví dụ minh họa.
- Phân tích đặc điểm tưởng tượng của trẻ ấu nhi (từ 15 đến 36 tháng). Ghi chép lại điều trẻ nói, sưu tầm sản phẩm nặn, vẽ của trẻ. Những thông tin, hình ảnh đó nói lên đặc điểm gì trong hoạt động tưởng tượng của trẻ.
- Phân tích đặc điểm tư duy của trẻ ấu nhi (từ 15 đến 36 tháng). Mô tả kiểu tư duy trực quan hành động của trẻ dưới 3 tuổi trong hoạt động với đồ vật.
- Đề xuất biện pháp phát triển hoạt động nhận thức cho trẻ ấu nhi (từ 15 đến 36 tháng).

2.5. PHẢN HỒI

- Nắm vững những nội dung chính ở phần thông tin về đặc điểm phát triển hoạt động nhận thức của trẻ ấu nhi (từ 15 đến 36 tháng).

- Biện pháp phát triển hoạt động nhận thức cho trẻ ấu nhi (từ 15 đến 36 tháng):
- + Giữ gìn vệ sinh thân thể, phòng chữa bệnh kịp thời, thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt đối với trẻ.
- + Tích cực rèn luyện các giác quan cho trẻ.
- + Dạy trẻ quan sát đối tượng một cách có hệ thống.
- + Sử dụng khéo léo phương pháp trình bày trực quan nhằm gây hứng thú cho trẻ.
- + Tạo điều kiện cho trẻ tham gia hoạt động khác nhau để hình thành tính tích cực của trẻ trong việc ghi nhớ.
- + Tạo điều kiện cho trẻ tiếp xúc nhiều với thiên nhiên, cuộc sống để làm giàu vốn sống, trí tưởng tượng phong phú.

Hoạt động 3: Xác định đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mẫu giáo (từ 3 tuổi đến 6 tuổi)

3.1. MỤC TIÊU

- Xác định được đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mẫu giáo (từ 3 đến 6 tuổi);
- Liên hệ được với thực tiễn chăm sóc và giáo dục trẻ lứa tuổi này ở nhà trường mầm non hiện nay;
- Xác định được mục tiêu phát triển nhận thức trong chương trình giáo dục mầm non mới hiện nay ở trẻ trong lứa tuổi này.

3.2. THÔNG TIN CƠ BẢN

a. Về nhận thức cảm tính

- Cảm giác của trẻ ở lứa tuổi này ngày càng nhạy cảm hơn và chính xác hơn.
- Ở trẻ đầu tuổi mẫu giáo, tri giác không chủ định là chủ yếu, hay tri giác những gì gần gũi với trẻ, có liên quan đến nhu cầu và hứng thú của trẻ, do đó trẻ hay di chuyển chú ý, tri giác tản mạn, không hệ thống.
- Trong tuổi mẫu giáo, trẻ dần dần tri giác lâu hơn và đầy đủ hơn. Trẻ biết tri giác theo hướng dẫn của người lớn và biết kiểm tra tri giác của mình theo yêu cầu đề ra. Nhờ vậy hình ảnh tri giác thực tại xung quanh nảy sinh trong đầu trẻ dần dần có nội dung phong phú và chính xác hơn.

- Khả năng phân biệt màu sắc, hình dạng của trẻ phát triển qua các độ tuổi. Đầu tuổi mẫu giáo, trẻ phân biệt được màu đỏ, xanh, vàng, trắng, đen và nhận biết được các hình vuông, tròn, tam giác. Các hoạt động sáng tạo của trẻ ngày càng phức tạp, dần dần trẻ lĩnh hội thêm những chuẩn màu sắc và hình dạng. Trẻ mẫu giáo có khả năng nắm và sử dụng các chuẩn về màu sắc và hình dạng của sự vật, hiện tượng. Cuối tuổi mẫu giáo, trẻ phân biệt được các màu chính trong quang phổ, nhưng các sắc thái còn lẫn lộn (như vàng và cam, xanh da trời và xanh lam...). Trẻ gọi tên và nhận biết thêm các hình chữ nhật, thang, bầu dục nhưng các dạng trung gian còn khó phân biệt.
- Nhìn và nhận cảm các thuộc tính về độ lớn của trẻ mẫu giáo được phát triển trên cơ sở lĩnh hội những biểu tượng về quan hệ độ lớn giữa các vật. Các quan hệ này được biểu thị bằng từ lớn hơn – nhỏ hơn, lớn nhất – nhỏ nhất... Vì vậy, trẻ mẫu giáo lĩnh hội được chuẩn độ lớn còn khó khăn. Khả năng lĩnh hội chuẩn độ lớn tăng dần theo độ tuổi, trẻ ở lứa tuổi mẫu giáo bé chỉ nhận ra mối quan hệ về độ lớn của 2 sự vật khi được tri giác cùng một lúc. Trẻ mẫu giáo nhũ đã có biểu tượng về mối quan hệ giữa 3 vật. Trẻ mẫu giáo lớn ngoài chuẩn độ lớn, trẻ còn hình thành biểu tượng về chiều dài, chiều cao, chiều rộng, có thể nhận ra độ lớn của các chiều, các góc trong hình.
- Nghe và nhận cảm các thuộc tính về âm thanh, dưới sự tác động ngôn ngữ của người xung quanh tai trẻ tinh hơn, trẻ đã phân biệt được các dấu trong tiếng nói, sắc thái âm của lời nói. Độ nhạy cảm âm thanh của trẻ có sự khác biệt lớn giữa các cá nhân, có một số trẻ nhạy cảm thính giác rất cao, có một số trẻ độ nhạy cảm thính giác kém rõ rệt. Vì vậy, khi tổ chức hướng dẫn các hoạt động giáo dục cho trẻ cần chú ý đến đặc điểm cá biệt để có biện pháp đối xử và chế độ rèn luyện riêng. Trong sự phát triển tri giác nghe, các vận động của tay, chân, toàn thân có ý nghĩa quan trọng, nó giúp trẻ nhận cảm tốt mối quan hệ giữa các âm và nhịp điệu.
- Trẻ mẫu giáo 3 tuổi lấy mình “làm gốc” để định hướng không gian. Dưới sự hướng dẫn của người lớn, trẻ bắt đầu định hướng đúng tay phải của mình. Những định hướng khác của không gian (đằng trước, đằng sau) cũng được xác định dựa vào bản thân mình. Hoạt động sáng tạo (ghép các mảnh gỗ, vẽ...) có ý nghĩa lớn trong sự hình thành các biểu tượng về quan hệ không gian giữa các vật và nắm kĩ năng xác định các quan hệ đó. Sự hình thành biểu tượng không gian có liên quan mật thiết với sự lĩnh hội cách diễn đạt bằng lời các quan hệ đó, nó giúp trẻ tách biệt và ghi lại

mỗi dạng quan hệ đó (bên trên, bên dưới), (đằng trước, đằng sau), trẻ lĩnh hội từng vé một, dựa vào vé này để lĩnh hội vé kia. Chỉ đến cuối tuổi mẫu giáo, trẻ mới xác định hướng không gian không phụ thuộc vào “điểm gốc” của bản thân.

- Đối với trẻ, định hướng thời gian khó hơn định hướng không gian. Trẻ mẫu giáo bé chưa phân biệt được các buổi trong ngày và chưa hiểu được các từ “bây giờ”, “bao giờ” khác nhau như thế nào. Đến tuổi mẫu giáo lớn, trẻ đã phân biệt được các buổi trong ngày. Khi lĩnh hội các biểu tượng về thời gian trong ngày, trẻ phải dựa vào hoạt động sinh hoạt của bản thân trong ngày để định hướng và phân biệt buổi sáng, trưa, chiều tối. Ví dụ: Buổi sáng, ngủ dậy rửa mặt, đi học; Buổi trưa ăn cơm; Buổi tối đi ngủ.

Các biểu tượng 4 mùa trong năm được trẻ lĩnh hội trong quá trình tìm hiểu các hiện tượng tự nhiên theo 4 mùa. Sự lĩnh hội các biểu tượng “hôm qua”, “hôm nay”... khó khăn đặc biệt đối với trẻ. Trong thời gian dài trẻ không thể nắm được tính chất tương đối của các biểu tượng đó. Nhờ sự hướng dẫn của người lớn, đến nửa cuối tuổi mẫu giáo, trẻ mới có thể lĩnh hội được các kí hiệu thời gian đó và sử dụng chúng một cách đúng đắn.

Trẻ mẫu giáo chưa có khả năng lĩnh hội khoảng thời gian dài như tháng, năm, thế kỉ.

b. Về trí nhớ

- Ở tuổi mẫu giáo bé, trí nhớ không chủ định tiếp tục phát triển, trẻ ghi lại khá nhiều những ấn tượng một cách không chủ định khi tham gia vào các hoạt động. Trẻ không đặt cho mình nhiệm vụ, mục đích ghi nhớ.
- Đến tuổi mẫu giáo nhỡ, bên cạnh trí nhớ không chủ định, ở trẻ bắt đầu hình thành trí nhớ có chủ định và phát triển nhanh ở tuổi mẫu giáo lớn, do điều kiện hoạt động phức tạp hơn, yêu cầu của người lớn cao hơn bắt buộc trẻ không chỉ định hướng vào hiện tại mà còn định hướng cả ở tương lai và quá khứ.
- Lúc đầu trí nhớ có chủ định của trẻ chưa hoàn thiện, trẻ nắm được yêu cầu, nhiệm vụ cần ghi nhớ, nhưng trẻ chưa nắm được biện pháp ghi nhớ và chưa biết làm gì để ghi nhớ tốt.
- Ở trẻ mẫu giáo, trí nhớ trực quan hình tượng là chủ yếu. Những tài liệu trực quan (sự vật và hình ảnh của nó) được trẻ ghi nhớ tốt hơn nhiều so với tài liệu ngôn ngữ.

- Trí nhớ ngôn ngữ bắt đầu hình thành, trẻ nhớ được những từ cụ thể, không nhớ được những từ trừu tượng, những mô tả có tính chất diễn cảm được giữ lại trong trí nhớ tốt hơn.
- Ở trẻ từ 4 – 6 tuổi đã hình thành trí nhớ vận động, biểu hiện ở một số kĩ xảo lao động tự phục vụ, kĩ xảo thể dục, kĩ xảo học tập (cầm kéo, cắt dán, cầm bút vẽ).

c. Về nhận thức lí tính

* Về tưởng tượng

- Dưới ảnh hưởng của giáo dục, kinh nghiệm của trẻ được mở rộng, hứng thú nảy sinh, hoạt động phức tạp hơn, tưởng tượng tiếp tục phát triển trong suốt tuổi mẫu giáo cả về số lượng lẫn chất lượng, không chỉ giàu hơn mà có những nét mới mà lứa tuổi trước đó không có.
- Đầu tuổi mẫu giáo, tưởng tượng tái tạo là chủ yếu, ít có tính độc lập và tính sáng kiến. Tưởng tượng phụ thuộc nhiều vào sự vật, hiện tượng đang tri giác, trẻ không thể tưởng tượng cái gì khi không có sự vật, hiện tượng trước mắt.
- Ở đầu tuổi mẫu giáo, tưởng tượng không chủ định là chủ yếu. Cái gì trẻ thích, hoặc gây trẻ ấn tượng mạnh mẽ thì tưởng tượng cái đó – tức nó trở thành đối tượng của tưởng tượng. Ví dụ, trẻ thích làm bác sĩ thì tưởng tượng mình là bác sĩ khám bệnh cho bệnh nhân.
- Tưởng tượng của trẻ đầu mẫu giáo thường không ổn định và bền vững.
- Cuối tuổi mẫu giáo, tưởng tượng sáng tạo bắt đầu hình thành và phát triển, tưởng tượng của trẻ có tính độc lập cao, có sáng kiến.
- Trong khi trẻ chơi, ngay cả trong trường hợp cô đưa ra chủ đề chơi, trẻ cũng không lặp lại một cách máy móc đề tài cô đề ra. Trẻ còn tạo ra những đồ dùng, đồ chơi trong khi chơi. Nội dung tranh vẽ của trẻ phong phú đa dạng, nhiều vẽ. Câu chuyện tự kể của trẻ phong phú, đa dạng hơn.
- Ở cuối tuổi mẫu giáo, tưởng tượng có chủ định của trẻ bắt đầu được hình thành và phát triển trong quá trình phát triển các dạng hoạt động sáng tạo, khi nắm kĩ năng thiết kế và sử dụng ý đồ thiết kế.
- Trẻ biết tưởng tượng theo mục đích, nhiệm vụ đặt ra cho hoạt động.

* Về tư duy

- Đến tuổi mẫu giáo, tư duy của trẻ có một bước ngoặt rất cơ bản. Đó là sự chuyển tư duy từ bình diện bên ngoài vào bình diện bên trong mà thực

chất đó là việc chuyển những hành động định hướng bên ngoài thành những hành động định hướng bên trong theo *cơ chế nhập tâm*. Quá trình tư duy của trẻ đã bắt đầu dựa vào những hình ảnh của sự vật và hiện tượng đã có trong đầu, cũng có nghĩa là chuyển từ kiểu tư duy trực quan – hành động sang kiểu *tư duy trực quan – hình tượng*.

- Đầu tuổi mẫu giáo, việc giải các bài toán không thực hiện bằng những phép thử bên ngoài nữa mà thực hiện bằng cả những phép thử ngầm trong óc dựa vào những hình ảnh, biểu tượng về đồ vật hay về những hành động với đồ vật mà trước đây trẻ đã làm hay trông thấy người khác làm.
- Việc chuyển từ tư duy trực quan – hành động sang tư duy trực quan – hình tượng là nhờ vào việc trẻ tích cực hành động với đồ vật, đây là cơ sở cho hoạt động tư duy được diễn ra ở bình diện bên trong và do hoạt động vui chơi mà trọng tâm là trò chơi đóng vai theo chủ đề, giúp trẻ hình thành chức năng kí hiệu tượng trưng của ý thức. Chức năng này được thể hiện ở khả năng dùng một vật này thay thế cho một vật khác và hành động với vật thay thế như là hành động với vật thật.
- Tư duy của trẻ đầu tuổi mẫu giáo (3– 4 tuổi) có những đặc điểm:
 - + Tư duy của trẻ mẫu giáo bé đã đạt tới ranh giới của tư duy trực quan – hình tượng, nhưng các hình tượng và biểu tượng trong đầu trẻ vẫn còn gắn liền với hành động. Ví dụ: Khi hỏi trẻ “Cái bút chì ném xuống nước thì nổi hay chìm”, trẻ nói ngay là “nổi” và giải thích “Vì cháu thấy que củi thả xuống nước cũng nổi”. Trong trường hợp này, việc giải bài toán dựa vào biểu tượng cũ, tức là trẻ đã biết dùng kiểu tư duy trực quan – hình tượng.
 - + Tư duy của trẻ mẫu giáo bé còn gắn liền với xúc cảm và ý muốn chủ quan, điều này thể hiện ở chỗ, trẻ chỉ suy nghĩ về những điều mà chúng thích và dòng suy nghĩ thường bị cuốn hút vào ý thích riêng của mình, bất chấp cả tác động khách quan. Ví dụ, trẻ chơi trò ghép hình với các mảnh bìa thành cái cầu, người lớn hỏi trẻ: “Con cần hình vuông hay hình tam giác”, trẻ trả lời ngay “Con đang xây cầu Chương Dương”... Trẻ ở độ tuổi này thường hay hỏi những câu hỏi “Tại sao”... vì tư duy của chúng chưa cho phép tìm ra những nguyên nhân khách quan. Mọi trẻ đều nghĩ là do ý muốn của một người nào đó tạo nên.
 - + Trẻ em ở tuổi mẫu giáo bé, do chưa biết phân tích tổng hợp, chưa biết một sự vật bao gồm nhiều bộ phận kết hợp thành một tổng thể, chưa xác

định được vị trí, quan hệ giữa bộ phận này với bộ phận kia trong một sự vật. Do đó cách nhìn nhận sự vật của trẻ là theo lối trực giác toàn bộ, có nghĩa là trước một sự vật nào đó trẻ nhận ra ngay, chớp lấy rất nhanh một hình ảnh tổng thể chưa phân chia ra thành các bộ phận. Đó là cách nhìn nhận đặc trưng của trẻ 3 tuổi. Ví dụ: trẻ nhận ra ngay đôi giày của mẹ ở giữa nhiều đôi giày khác, nhưng trẻ không giải thích được những đặc điểm khác biệt.

Do trực giác toàn bộ, nên trẻ không phân biệt được một số hình dạng tương tự nhưng có một vài chi tiết khác nhau khiến chúng khác hẳn nhau dưới con mắt người lớn, ví dụ: trẻ khó phân biệt được sự khác nhau giữa chữ O và chữ C...

Tuy nhiên, trẻ lại rất hay để ý đến những chi tiết vụn vặt, bởi những chi tiết ấy đối với trẻ lại là những tổng thể, những đơn vị. Trẻ không bao quát được khi nhìn một sự vật gồm nhiều chi tiết phức tạp mà chỉ để tâm lần lượt đến từng chi tiết một và không liên kết các chi tiết ấy lại với nhau thành một tổng thể. Đặc biệt trẻ không nhận ra những mối liên quan giữa các chi tiết bộ phận trong một sự vật.

- Tư duy của trẻ tuổi mẫu giáo nhỏ (4 – 5 tuổi) có những đặc điểm:
- + Trẻ mẫu giáo nhỏ tư duy đang trên đà phát triển mạnh khiến đứa trẻ dự kiến được hành động và lập kế hoạch cho hành động của mình. Trẻ đã bắt đầu đề ra cho mình những bài toán nhận thức, tìm tòi cách giải thích những hiện tượng mà mình nhìn thấy được. Trẻ thường “thực nghiệm”, chăm chú quan sát các hiện tượng và suy nghĩ về những hiện tượng đó để rút ra kết luận. Tuy nhiên, những kết luận đó còn ngây ngô, ngộ nghĩnh và nhiều khi còn gây ngạc nhiên cho người lớn.
- + Phần lớn trẻ ở tuổi mẫu giáo nhỏ đã có khả năng suy luận theo kiểu tư duy trực quan – hình tượng. Trẻ đã có khả năng giải các bài toán bằng các “phép thử ngầm trong óc”, dựa vào các biểu tượng, kiểu *tư duy trực quan – hình tượng* đã bắt đầu chiếm ưu thế. Khi hành động với các biểu tượng trong óc, đứa trẻ hình dung được các hành động thực tiễn với các đối tượng và kết quả của những hành động ấy. Bằng con đường đó trẻ có thể giải được nhiều bài toán thực tiễn đặt ra cho mình. Tư duy trực quan – hình tượng tỏ ra có hiệu quả khi giải những bài toán trong đó những thuộc tính bản chất là những thuộc tính có thể hình dung được. Ví dụ, trẻ có thể hình dung được rằng quả bóng lăn trên đường nhựa nhanh hơn là lăn trên mặt đá gồ ghề,... Đối với những thuộc tính bản

chất của sự vật, hiện tượng ẩn tàng, khó hình dung được. Chúng có thể được biểu thị bằng từ hoặc những kí hiệu khác. Trong trường hợp này chỉ có thể tìm ra những thuộc tính bản chất bằng con đường tư duy trừu tượng, trẻ chưa có khả năng này.

- + Tư duy trực quan – hình tượng phát triển mạnh cho phép trẻ ở tuổi mẫu giáo nhờ giải được nhiều bài toán thực tiễn mà trẻ thường gặp trong đời sống. Tuy vậy, vì chưa có khả năng tư duy trừu tượng nên trẻ chỉ mới dựa vào những biểu tượng đã có, những kinh nghiệm đã trải qua để suy luận ra những vấn đề mới. Vì vậy, trong khá nhiều trường hợp chúng chỉ dừng lại ở các hiện tượng bên ngoài mà chưa đi được vào bản chất bên trong. Do đó nhiều khi trẻ giải thích các hiện tượng một cách ngộ nghĩnh và rất dễ lẫn lộn thuộc tính bản chất và không bản chất của sự vật và hiện tượng xung quanh. Ví dụ: Khi trẻ vào bệnh viện thấy ai mặc áo trắng trẻ cũng đều gọi là “bác sĩ”...
- Tư duy của trẻ tuổi mẫu giáo lớn (5 – 6 tuổi) có những đặc điểm:
 - + Đến cuối tuổi mẫu giáo, để đáp ứng với nhu cầu nhận thức phát triển mạnh, do vậy, bên cạnh việc phát triển tư duy trực quan – hình tượng vẫn mạnh mẽ như ở giai đoạn lứa tuổi mẫu giáo nhỏ, ở trẻ còn phát triển thêm một kiểu tư duy trực quan – hình tượng mới, đó là kiểu tư duy trực quan – sơ đồ.
 - + Kiểu tư duy trực quan – sơ đồ tạo ra cho trẻ một khả năng phản ánh những mối liên hệ tồn tại khách quan, không bị phụ thuộc vào hành động hay ý muốn chủ quan của bản thân trẻ. Sự phản ánh những mối liên hệ khách quan là điều kiện cần thiết để lĩnh hội những tri thức vượt ra ngoài khuôn khổ của việc tìm hiểu từng sự vật riêng lẻ với những thuộc tính sinh động của chúng để đạt tới tri thức khái quát, từ đó mà hiểu được bản chất của sự vật.
 - + Tư duy trực quan – sơ đồ vẫn giữ tính chất hình tượng nhưng hình tượng chỉ còn giữ lại những yếu tố chủ yếu giúp trẻ phản ánh một cách khái quát sự vật. Kiểu tư duy trực quan – sơ đồ biểu hiện một bước phát triển đáng kể trong tư duy của trẻ mẫu giáo. Đó là kiểu trung gian, quá độ để chuyển từ kiểu tư duy hình tượng lên một kiểu tư duy mới, khác về chất – tư duy logic (hay còn gọi là tư duy trừu tượng), kiểu tư duy này sẽ tiếp tục được phát triển ở lứa tuổi học sinh.
 - + Trẻ ở độ tuổi mẫu giáo lớn có khả năng hiểu một cách dễ dàng và nhanh chóng về cách biểu diễn sơ đồ và sử dụng có kết quả những sơ đồ đó để

tìm hiểu sự vật. Ví dụ: trẻ có thể nhìn vào sơ đồ tìm ra một địa chỉ nào đó hoặc để chỉ đường để đi đến một nơi nào đó...

- + Ở tuổi mẫu giáo lớn, những yếu tố của kiểu tư duy logic đã có thể xuất hiện, khi trẻ biết sử dụng khá thành thạo các vật thay thế, khi đã phát triển tốt chức năng kí hiệu của ý thức. Trong thời gian này, trẻ bắt đầu hiểu rằng có thể biểu thị một sự vật hay một hiện tượng nào đó bằng từ ngữ hay các kí hiệu khác khi phải giải thích các bài toán tư duy độc lập.
- + Trẻ mẫu giáo lớn cũng có thể lĩnh hội được một số khái niệm đơn giản trong điều kiện được dạy dỗ đặc biệt, phù hợp với lứa tuổi mẫu giáo.
- + Ở tuổi mẫu giáo đang diễn ra một quá trình chuyển tiếp, từ chỗ trẻ chỉ biết những sự vật cụ thể sang sử dụng những chuẩn cảm giác phổ biến là kết quả của sự khái quát hóa những kinh nghiệm cảm tính của bản thân.
- + Chuẩn cảm giác là những biểu tượng do loài người xây dựng những dạng cơ bản của mỗi loại thuộc tính và quan hệ như về màu sắc, hình dạng, độ lớn của các vật, vị trí của chúng trong không gian, độ cao của các âm, độ dài của khoảng thời gian... Ví dụ, về hình dạng, chuẩn là các hình học (hình vuông, hình tròn...), về màu sắc, chuẩn là 7 màu trong quang phổ, về độ dài trong không gian, lấy chuẩn là mét, km... về độ dài trong thời gian, lấy chuẩn là giờ, phút, giây...
- + Cuối tuổi mẫu giáo, trẻ lĩnh hội được các chuẩn. Nhờ đó trẻ em tách biệt được trong số các biến dạng muôn màu muôn vẻ những dạng cơ bản của các thuộc tính được dùng làm chuẩn và bắt đầu biết so sánh thuộc tính của sự vật xung quanh với các chuẩn đó. Chính những biến đổi về chất của những tài liệu cảm tính như thế cho phép hoạt động tư duy của trẻ chuyển dần sang một giai đoạn phát triển cao hơn.

Tóm lại, tư duy trực quan – hình tượng là loại tư duy cơ bản ở trẻ mẫu giáo. Trẻ 3 – 4 tuổi giải quyết nhiệm vụ bằng những hành động thử nghiệm, chỉ nhận ra kết quả sau khi hành động được thực hiện. Trẻ 4 – 5 tuổi bắt đầu có suy nghĩ về nhiệm vụ và phương pháp giải quyết nhiệm vụ trong quá trình hành động. Trẻ dùng những hành động bên trong là những hành động với hình tượng để giải quyết nhiệm vụ trí tuệ.

- Cuối tuổi mẫu giáo nhỏ và đầu tuổi mẫu giáo lớn xuất hiện tư duy trực quan sơ đồ, trẻ hiểu được hình vẽ sơ đồ của các vật. Ở trẻ xuất hiện tiền đề của tư duy trừu tượng, biểu hiện ở tư duy trực quan sơ đồ xuất hiện và trẻ biết dùng vật để thay thế. Tuy nhiên, sự phát triển các thao tác tư duy của trẻ, về phân tích và tổng hợp còn đơn giản về nội dung và hình thức,

so sánh sự khác nhau tốt hơn sự giống nhau, có khả năng trừu tượng hóa một cách trực tiếp, cảm tính, dựa vào cái trực tiếp trông thấy.

3.3. CÁCH TIẾN HÀNH

- Nghiên cứu văn bản và tài liệu.
- Tự quan sát trẻ trên thực tế ở lớp.
- Trao đổi nhóm, phân tích, rút ra những đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ lứa tuổi mẫu giáo (từ 3 – 6 tuổi) và những khó khăn mà giáo viên gặp phải trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ nếu không hiểu rõ các đặc điểm đó.

3.4. ĐÁNH GIÁ

- Quan sát và mô tả lại những hành vi (hoạt động với đối tượng và giao lưu) của trẻ 3 – 6 tuổi biểu hiện khả năng nhìn và nhận cảm các thuộc tính về màu sắc, hình dạng và độ lớn trong hoạt động giáo dục: Hoạt động với đồ vật, các hoạt động sáng tạo và tìm hiểu môi trường xung quanh. Cho một ví dụ minh họa. Nhận xét và đánh giá sự khác biệt những khả năng trên ở các lứa tuổi – giải thích nguyên nhân của sự khác biệt đó.
- Tìm hiểu và mô tả những hành vi biểu hiện đặc điểm phát triển khả năng ghi nhớ và nhớ lại của trẻ mẫu giáo (từ 3 đến 6 tuổi). Cho một ví dụ minh họa trong tiết học thơ, truyện.
- Phân tích đặc điểm tưởng tượng của trẻ mẫu giáo (từ 3 đến 6 tuổi). Ghi chép lại hình ảnh tưởng tượng của trẻ qua câu chuyện trẻ kể, sưu tầm sản phẩm nặn, vẽ của trẻ. Những hình ảnh đó nói lên đặc điểm gì trong hoạt động tưởng tượng của trẻ.
- Phân tích đặc điểm tư duy của trẻ mẫu giáo (từ 3 đến 6 tuổi).
- Mô tả kiểu tư duy trực quan – hình tượng của trẻ 3 – 4 tuổi và trẻ 4 – 5 tuổi trong hoạt động vui chơi.
- Mô tả kiểu tư duy trực quan – hình tượng của trẻ 5 – 6 tuổi trong hoạt động vui chơi và các hình thức hoạt động sáng tạo.
- Chỉ ra một số khác biệt về đặc điểm phát triển nhận thức giữa trẻ ở lứa tuổi ấu nhi và mẫu giáo làm cơ sở để tìm hiểu, đánh giá, tác động chăm sóc và giáo dục trẻ một cách phù hợp.
- Học viên đưa ra một ví dụ cụ thể về đặc điểm phát triển nhận thức và biện pháp phát triển nhận thức cho trẻ mẫu giáo.

3.5. PHẢN HỒI

- Nắm vững những nội dung chính ở phần thông tin về đặc điểm phát triển hoạt động nhận thức của trẻ mẫu giáo (từ 3 đến 6 tuổi).
- Biện pháp phát triển hoạt động nhận thức cho trẻ mẫu giáo (từ 3 đến 6 tuổi):

- + Thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt đối với trẻ.
- + Tổ chức tốt các hành động định hướng bên ngoài đối với đối tượng cho trẻ. Để giúp phát triển tốt tư duy – hình tượng, cần cung cấp cho trẻ những hiểu biết cần thiết để có được những suy luận đúng hơn. Trước hết, đó là việc cung cấp biểu tượng cho trẻ một cách phong phú và đa dạng: hệ thống hóa và chính xác hóa dần các biểu tượng về thế giới xung quanh qua những buổi đi chơi, đi dạo, qua các câu chuyện kể, qua các bức tranh, bài hát, bài thơ, phim truyền hình, các trò chơi, “tiết học”, sử dụng mô hình...

Ví dụ 1: Giúp trẻ 5 – 6 tuổi nhận biết phân biệt khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật. Có thể chọn chủ điểm Quê hương – Thủ đô – Bác Hồ. Giáo viên có thể dùng mô hình Lăng Bác được xếp theo hình thức sau.

- + Lăng Bác xếp bằng khối chữ nhật.
- + Hàng rào xung quanh lăng Bác xếp bằng khối vuông.
- + Cột trụ cổng vào Lăng Bác xếp bằng khối trụ.
- + Khi gọi mở cho trẻ vào chủ điểm, giáo viên nói “Hôm nay cô cùng các con sẽ đi thăm một nơi rất đẹp ở Thủ đô Hà Nội”. Khi đi đến trước mô hình Cô hỏi trẻ: “Chúng mình đang được đến thăm nơi nào vậy nhỉ? Mô hình lăng Bác có gì đặc biệt không?”. Trẻ nêu được là “Lăng Bác được xếp bằng khối chữ nhật, hàng rào xếp bằng khối vuông... đó là những khối đã học rồi ạ”. Cô nhắc lại và nhấn mạnh yêu cầu: “Để hiểu kĩ hơn về đặc điểm riêng của từng khối đó hôm nay cô và các con sẽ cùng khám phá tìm hiểu nhé!” (Cô và trẻ vào bài).
- + Cho trẻ ôn tập, củng cố bài học thường xuyên

Ví dụ 2: Để khắc sâu kiến thức về khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật, giáo viên có thể đặt câu hỏi?

- Con nào thích khối cầu và khối trụ?
- Con nào thích khối vuông và khối chữ nhật?

Sau khi trẻ trả lời, giáo viên sẽ phân thành các nhóm:

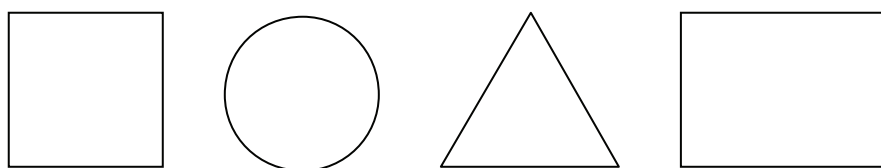
- Nhóm thích khối cầu, khối trụ, vẽ nhóm nặn hình khối cầu, khối trụ.
- Nhóm thích khối vuông, khối chữ nhật, vẽ nhóm tìm hình bằng giấy màu tương ứng để dán các mặt khối. Điều này trẻ rất hào hứng thi đua, khi cùng nhau tham gia vào các hoạt động.
- + Tổ chức các hoạt động (đặc biệt là trò chơi, hoạt động tạo hình, hát, múa...) tạo điều kiện cho trẻ khảo sát các thuộc tính của đối tượng không cần hành động định hướng bên ngoài và yêu cầu trẻ diễn đạt điều quan sát được bằng ngôn ngữ mạch lạc.
- + Sử dụng khéo léo phương pháp trình bày trực quan nhằm gây hứng thú cho trẻ. Bố trí trực quan xung quanh lớp: giá đồ chơi, tranh treo tường cho hợp lý để trẻ luyện tập cũng như liên hệ thực tế.

Ví dụ 3: Giúp trẻ luyện đếm với chủ điểm gia đình

- + Treo tranh về gia đình có số lượng thành viên khác nhau, để trẻ đếm số lượng người và giáo dục trẻ.
- + Đồ dùng gia đình xếp ở giá đồ chơi để trẻ có thể luyện đếm.
- + Tạo điều kiện cho trẻ tham gia hoạt động khác nhau để hình thành tính tích cực của trẻ trong việc ghi nhớ.

Ví dụ 4: Trò chơi “Ghi nhớ bước chân” nhằm giúp trẻ (3 – 4 tuổi) ghi nhớ được tên các loại hình học cơ bản (hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật) làm quen với toán.

- Chuẩn bị: Giáo viên vẽ trên sàn nhà các hình:



- Luật chơi: Yêu cầu trẻ đi vào đứng ở theo hình theo hiệu lệnh của cô. Ai đi sai phải quay trở lại và nhường lượt chơi cho đội bạn. Đội nào đi hết người trước là đội thắng cuộc.
- Cách chơi: Trước khi chơi, giáo viên chia trẻ theo nhóm và cho trẻ bốc thăm hoặc oản tù tì để chọn lượt chơi. Khi cô nói đến tên hình nào thì trẻ phải đi vào hình đó. Trong quá trình cho trẻ chơi, cô có thể cho trẻ chơi

theo tốc độ nhanh hoặc chậm tùy thuộc vào khả năng nhận thức của trẻ. Trong khi chơi, cô ấn định thời gian cụ thể.

- + Khối lượng tài liệu, tính chất tài liệu quy định phù hợp với từng độ tuổi của trẻ.
- + Tạo điều kiện cho trẻ tiếp xúc nhiều với thiên nhiên, cuộc sống để làm giàu vốn sống, trí tưởng tượng phong phú.
- + Tạo điều kiện cho trẻ dùng ngôn ngữ của bản thân để diễn đạt ý đồ, mục đích, biện pháp tiến hành hoạt động để phát triển tính mục đích, chủ động, sáng tạo của trẻ.
- Vận dụng một cách khái quát lí thuyết về các giai đoạn hình thành thao tác trí tuệ của P.Ia. Ganperin để hình thành một khái niệm khoa học nào đó (đối với trẻ mẫu giáo là tiền khái niệm) theo các bước sau:
 - + Thực hiện các hành động vật chất với các đối tượng cần tìm hiểu.
 - + Thực hiện các hành động với mô hình hay sơ đồ của đối tượng.
 - + Nói to lên về trình tự và nội dung các hành động đã tiến hành.
 - + Nói thầm về những điều đó.
 - + Nghĩ thầm trong óc: hành động được rút gọn và biến thành tư duy logic.

Hoạt động 4: Xác định các nguyên tắc, các bước, các điều kiện và các mặt vẽ đặc điểm phát triển nhận thức cần tìm hiểu ở trẻ mẫu giáo

4.1. MỤC TIÊU

- Xác định được các nguyên tắc chung trong tìm hiểu tâm lí của trẻ mầm non;
- Xác định được các bước tổ chức tìm hiểu tâm lí trẻ mầm non một cách phù hợp;
- Xác định được các đặc điểm phát triển về nhận thức cần tìm hiểu ở trẻ phù hợp theo lứa tuổi;
- Xác định được các điều kiện cần thiết để tìm hiểu đặc điểm phát triển về nhận thức cần tìm hiểu ở trẻ phù hợp theo lứa tuổi.

4.2. THÔNG TIN CƠ BẢN

- Hiện tượng tâm lí khó có thể được đo đạc một cách trực tiếp nhưng có thể đánh giá gián tiếp thông qua các sản phẩm hoạt động và các mối quan hệ giao tiếp. Đối với lứa tuổi mầm non, đó là hoạt động vui chơi,

giao tiếp của trẻ với người lớn (trong gia đình, ở nhà trường) và với bạn cùng lứa. Điều này thể hiện nguyên tắc gián tiếp, khách quan, xã hội – lịch sử trong nghiên cứu tâm lý học. Các nguyên tắc này cần được quán triệt trong tổ chức tìm hiểu tâm lý trẻ để đảm bảo thu được tư liệu một cách tin cậy nhất. Ngoài ra, từ phía giáo viên cần tránh sự định kiến, nông vội đối với trẻ.

- Việc tổ chức tìm hiểu đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mầm non tuân thủ các bước: xác định mục đích; thời gian; phạm vi; cách thức; điều kiện tìm hiểu; hướng phối hợp xử lý thông tin; hướng lưu trữ, khai thác thông tin về trẻ.
- Nội dung tìm hiểu tùy theo mục đích và bám vào đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mầm non.

4.3. CÁCH TIẾN HÀNH

- Nghiên cứu văn bản và tài liệu.
- Động não.
- Tự quan sát trẻ trên thực tế ở lớp chủ nhiệm. Kinh nghiệm đã làm của giáo viên trong việc tìm hiểu đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mầm non. Lấy một ví dụ cụ thể về việc tổ chức tìm hiểu trẻ lớp mình chủ nhiệm: Tìm hiểu cái gì? Tìm hiểu bằng cách nào? Tìm hiểu như thế nào? Kết quả ra sao? (viết vào giấy).
- Trao đổi nhóm.

4.4. ĐÁNH GIÁ

- Để việc tìm hiểu trẻ mầm non mang tính khách quan, khoa học, giáo viên cần đảm bảo những nguyên tắc gì?
- Giáo viên xác định các đặc điểm phát triển về nhận thức cần tìm hiểu ở trẻ như thế nào? Dựa vào cái gì?
- Để việc tìm hiểu đặc điểm phát triển về nhận thức của trẻ có kết quả đáng tin cậy, giáo viên cần tuân thủ những bước nào? Các điều kiện kèm theo là gì?
- *Câu 4:* Giáo viên làm gì với những kết quả thu được?

4.5. PHẢN HỒI

- Nắm vững những nội dung phần thông tin về các nguyên tắc, các bước, các điều kiện và các mặt về đặc điểm phát triển nhận thức cần tìm hiểu ở trẻ mẫu giáo.

- Một số cách thức thu thập thông tin về đặc điểm nhận thức của trẻ:
- + Nghiên cứu các tư liệu/hồ sơ về trẻ đã có từ trước;
- + Sử dụng các phiếu trưng cầu ý kiến do giáo viên tự soạn thảo hoặc tham khảo có sẵn từ các nguồn khác nhau;
- + Sử dụng các trắc nghiệm đơn giản có sẵn;
- + Trò chuyện với trẻ;
- + Cùng tham gia vào các hoạt động với trẻ;
- + Chụp ảnh, ghi hình; quan sát trực tiếp hoặc từ xa;
- + Sử dụng một số kĩ thuật phân tích nhóm;
- + Tìm hiểu về trẻ thông qua các đối tượng khác (cha mẹ,...).
- Nắm vững những nội dung phần thông tin ở các hoạt động được đề cập ở trên về đặc điểm phát triển hoạt động nhận thức của trẻ mầm non.
- Các biện pháp phát triển hoạt động nhận thức cho trẻ mầm non.

Hoạt động 5: Thực hành tìm hiểu đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mẫu giáo theo một số phương pháp, kĩ thuật khách quan

5.1. MỤC TIÊU

- Học viên thực hành sử dụng một số phương pháp tìm đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mẫu giáo.
- Học viên tự xây dựng cách thức riêng để tìm hiểu đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mẫu giáo.

5.2. CÁCH TIẾN HÀNH

- Nghiên cứu văn bản và tài liệu.
- Động não.
- Tự quan sát trẻ trên thực tế ở lớp chủ nhiệm. Đề xuất đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mầm non (đề xuất các “case” theo từng độ tuổi, viết vào giấy).
- Xác định công việc cụ thể để tìm hiểu đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mầm non: lựa chọn/thiết kế phương pháp; dự kiến kết quả giả định; xử lí định lượng; phân tích rút ra kết luận.
- Thực hành cách sử dụng một số phương pháp đơn giản (phương pháp định lượng hoặc định tính) để tìm hiểu một số đặc điểm phát triển nhận

thức của trẻ mầm non (hoạt động nhận cảm, trí nhớ, tưởng tượng, tư duy...).

- Trao đổi nhóm về những phương pháp, cách thức đã thực hành: tự đánh giá về những điểm đã làm được, những điểm còn phải tiếp tục làm thử để trở thành kĩ năng.

5.3. ĐÁNH GIÁ

- Xác định công việc cụ thể để tìm hiểu đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mầm non.
- Liệt kê và mô tả các phương pháp đơn giản (phương pháp định lượng hoặc định tính) để tìm hiểu một số đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mầm non.
- Tự thiết kế phiếu đánh giá sự phát triển nhận thức của trẻ mầm non.

5.4. PHẢN HỒI

- Nắm vững công việc cụ thể để tìm hiểu đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mầm non: lựa chọn/thiết kế phương pháp; dự kiến kết quả giả định; xử lý định lượng; phân tích rút ra kết luận.
- Một số phương pháp đơn giản (phương pháp quan sát, trắc nghiệm,...) để tìm hiểu một số đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mầm non (hoạt động nhận cảm, trí nhớ, tưởng tượng, tư duy...).
- Công cụ được thiết kế bao quát được đặc điểm phát triển hoạt động nhận thức của trẻ mầm non và các biện pháp phát triển hoạt động nhận thức cho trẻ mầm non.
- Để đảm bảo tính khách quan của các dữ liệu quan sát được, cần phải:
 - + Chỉ ghi chép những sự kiện xảy ra.
 - + Ghi chép các sự kiện theo đúng trình tự xảy ra.
 - + Ghi chép từng chi tiết hành động của trẻ.
 - + Chỉ sử dụng các từ mô tả, không dùng từ bình luận.
- Phân tích số liệu thu thập được: Dựa vào những số liệu thu thập được, tùy vào mục đích đặt ra, so sánh với chuẩn phát triển theo độ tuổi của trẻ theo yêu cầu chăm sóc giáo dục để xác định mức độ đạt được mục tiêu giáo dục và sự phát triển của trẻ theo chuẩn lứa tuổi.

– Một số phương pháp cụ thể cung cấp để giáo viên vận dụng vào việc tìm hiểu đặc điểm nhận thức của trẻ mầm non:

+ Phương pháp quan sát

Là phương pháp theo dõi một cách có mục đích, có kế hoạch những hành vi, cử chỉ, lời nói của trẻ trong đời sống hàng ngày và có ghi chép lại một cách nghiêm túc.

Khi quan sát cần đảm bảo yêu cầu: Xác định rõ mục đích quan sát và không để trẻ biết mình đang bị quan sát

Ví dụ 1: Mẫu quan sát trẻ trong lớp học:

Tên trẻ:..... Tuổi:.....

Ngày quan sát:..... Nơi quan sát:.....

Thời gian: Từ..... đến.....

Mục đích quan sát:.....

Mô tả kết quả quan sát:.....

Thời điểm	Mục đích của quan sát	Các dấu hiệu
Giờ đón trẻ		
Trong giờ học/ hoạt động chung		
Trong giờ chơi ở trong lớp/ góc chơi		
Chơi ngoài trời		
Trước khi ăn, ngủ		
Trong bữa ăn		
Trước lúc trẻ ra về		

Ví dụ 2

Ngôn ngữ của trẻ thơ không chỉ ngộ nghĩnh mà còn cho phép khám phá cái đặc thù của tư duy của trẻ về thế giới xung quanh. Anh (chị) quan sát ngôn ngữ của trẻ thơ và phân tích tài liệu quan sát được.

+ Phương pháp thực nghiệm

Thực nghiệm là chủ động tác động vào hiện thực trong những điều kiện khách quan đã được khống chế để gây ra hiện tượng cần nghiên cứu,

nhằm lập đi lập lại nhiều lần để tìm ra mối quan hệ nhân quả, tính quy luật của hiện tượng nghiên cứu và đo đạc, định hướng chung.

Để thực nghiệm đạt kết quả tốt, cần đảm bảo những yêu cầu:

- Tổ chức hoàn cảnh thực nghiệm làm sao cho trẻ hoạt động tự nhiên, thoải mái, gắn gũi với hoàn cảnh thực của trẻ.
- Biên bản thực nghiệm cần ghi đầy đủ sự giải quyết của trẻ, những cách thức, những lỗi sai, sự sửa chữa sai lầm ấy và ghi thời gian cần cho trẻ giải quyết nhiệm vụ.
- Những kết quả của chỉ số thực nghiệm ghi lại dưới hình thức đơn giản, ngắn gọn, có thể dùng những kí hiệu để xử lí, thống kê số.
- Khi tiến hành thực nghiệm phải đảm bảo tính khoa học cao như: cách truyền đạt, lời hướng dẫn, kĩ năng theo dõi thời gian và sự phản ứng của người thực nghiệm, kĩ thuật thống kê...

+ Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động

Phương pháp giúp biết được tâm lí của trẻ thông qua sản phẩm hoạt động của trẻ. Ví dụ: xem bức tranh vẽ, sản phẩm nặn, ghép... của trẻ, có thể hiểu được xúc cảm, tri giác, tư duy, tưởng tượng... của trẻ. Tuy nhiên khi nghiên cứu sản phẩm hoạt động không cho ta thấy được quá trình trẻ làm thế nào để đạt được kết quả đó.

+ Phương pháp đàm thoại

Là phương pháp đặt ra câu hỏi cho đối tượng và dựa vào trả lời của trẻ trao đổi, hỏi thêm nhằm thu thập thông tin về vấn đề nghiên cứu.

Đàm thoại được áp dụng trong trường hợp muốn tìm hiểu về tri thức, biểu tượng, nhìn nhận của trẻ đối với thế giới xung quanh, đối với chính bản thân mình.

Yêu cầu khi sử dụng phương pháp này:

- Người nghiên cứu cần chuẩn bị kĩ hệ thống câu hỏi theo mục đích nghiên cứu.
- Câu hỏi phải dễ hiểu, hấp dẫn đối với trẻ, kèm theo thái độ ân cần, cởi mở.
- Ghi lại nguyên văn câu trả lời của trẻ để phân tích và liên hệ chúng với tư liệu thu được bằng phương pháp khác.

+ Phương pháp trắc nghiệm (test)

Là hình thức thực nghiệm đặc biệt, những trắc nghiệm là những bài tập ngắn gọn đã được tiêu chuẩn hóa, soạn ra để xác định mức độ phát triển của các quá trình tâm lí khác nhau của trẻ.

Yêu cầu sử dụng phương pháp này:

- Bài tập đưa ra theo nhiều kiểu khác nhau để tránh việc giải bài tập ngẫu nhiên.
- Quy tắc cho điểm cần đơn giản và nhất quán.
- Các đo nghiệm cần tiến hành dưới dạng một hoạt động bình thường như vui chơi, xây dựng – lắp ghép, ghép tranh,...

Ví dụ 1: Yêu cầu trẻ ghi nhớ các dãy từ chỉ các con vật sau đây:

a) chó, mèo, ngựa

b) gà, vịt, chim

c) cá, rắn, ốc

Dãy từ nào được trẻ ghi nhớ tốt nhất? Tại sao?

Ví dụ 2

Cô giáo đọc cho cả lớp nghe cùng một câu chuyện. Yêu cầu từng trẻ kể lại câu chuyện theo cách của mình. Đánh giá khả năng ghi nhớ và tưởng tượng của trẻ.

Ví dụ 3

Cho trẻ nhìn kĩ 1 hình vẽ có 5 động tác thể dục khác nhau. Sau đó yêu cầu học sinh tìm xem trong 1 hình vẽ khác có những động tác nào đã có trong hình đã được xem.

Ví dụ 4

Đưa cho 2 nhóm trẻ ở 2 lứa tuổi khác nhau: ấu nhi và mẫu giáo những mẫu gỗ to nhỏ khác nhau và giao cho chúng nhiệm vụ: Các con hãy dùng những mẫu gỗ này xếp thành một ngôi nhà. Quan sát hành động của trẻ, hỏi trẻ về cách làm và ghi chép lại. Sau đó hãy phân tích kết quả của thực nghiệm này để rút ra sự khác nhau về hành động của 2 nhóm trẻ.

Ví dụ 5: Trắc nghiệm đánh giá sự phát triển trí tuệ dành cho trẻ (5 tuổi)

A. Hướng dẫn thực hiện

TRÍ TUỆ (Phần lời)

I. *Hiểu biết về bản thân và gia đình*

1. Họ tên cháu là gì?
2. Cháu bao nhiêu tuổi?

3. Nhà cháu ở đâu?
4. Họ và tên bố cháu là gì?
5. Họ và tên mẹ cháu là gì?
6. Cháu có mấy anh, chị, em ruột?

Lưu ý: Ghi lại toàn bộ lời trẻ nói và nhận xét cách trả lời của trẻ

II. Sơ đồ thân thể

7. Tay phải của cháu đâu?
8. Tay trái của cô đâu?
9. Dùng tay phải của cháu nắm lấy tay trái của cháu!
10. Dùng tay phải của cháu nắm tay phải của cô!

Lưu ý: Khoanh vào con số tương ứng với mục trẻ làm đúng.

III. Biểu tượng về thời gian

11. Một ngày có mấy buổi?
Cháu hãy kể tên các buổi trong ngày.
12. Một tuần có mấy ngày?
Cháu hãy kể tên các ngày trong tuần.
13. Một năm có mấy mùa?
Cháu hãy kể tên các mùa trong năm.
14. Bây giờ là mùa gì?

Lưu ý: Ghi lại toàn bộ lời trẻ nói

IV. Trí nhớ

15. Trí nhớ ngôn ngữ:

Lời dẫn: "Cháu hãy lắng nghe cô kể câu chuyện này, sau đó cháu sẽ phải kể lại càng đầy đủ càng tốt" (Cô kể chậm rãi 2 lần).

- 1/ Một buổi sáng, mẹ đưa Nam đi chơi. 2/ Trời nắng đẹp, gió thổi nhẹ.
- 3/ Các bạn nhỏ chơi đùa vui vẻ. 4/ Mẹ mua cho Nam một cái điều.
- 5/ Nam rất thích. 6/ Bỗng một cơn gió thổi tới. 7/ Sợi chỉ buộc điều đứt.
- 8/ Cái điều bay lên trời. 9/ Nam khóc. 10/ Mẹ đền cho Nam cái khác.

Lưu ý: Khoanh vào con số tương ứng với ý trẻ nói lại được.

Bài 16 – 18

Lời dẫn: “Hãy nhắc lại những số mà cô đọc”. Sau đó cô đọc chậm rãi một lần từng dãy số, rồi ghi lại lời trẻ nói:

- 16. 3 6 8
- 17. 2 9 7 4
- 18. 8 5 2 6 9

Bài 19 – 21

Lời dẫn: “Nhắc ngược lại dãy số mà cô đọc”. Ví dụ: 2 4 thì cháu nhắc lại như thế nào?... Dù trẻ nói sai hay đúng thì Cô đều nhắc lại “Dãy số ngược lại của 2 4 là 4 2”. Sau đó cô đọc chậm rãi một lần từng dãy số, rồi ghi lại lời trẻ nói.

- 19. 9 3
- 20. 6 7 5
- 21. 6 3 7 9
- 22. Nhắc lại

Lời dẫn: “Cháu hãy nhắc lại câu này” (Cô nói chậm rãi 1 lần)

1/ Hằng ngày 2/ vào buổi sáng 3/ mẹ đưa em 4/ đi học 5/ lúc 7 giờ
6/ bằng xe đạp 7/ em rất thích 8/ Buổi chiều 9/ mẹ lại đón em 10/ về nhà

Sau đó cho trẻ nhắc lại và cô khoanh vào con số tương ứng với ý trẻ nhắc lại được.

V. Suy luận

Lời dẫn: “Nếu cô nói thế này thì cháu nói tiếp thế nào?”. Sau đó cô đọc chậm rãi từng câu và ghi lại lời trẻ nói.

- 23. Cam thì ngọt, còn chanh thì
- 24. Con trai lớn lên thành đàn ông, còn con gái lớn lên thành
- 25. Ném thì dùng tay, còn đạp thì dùng
- 26. Cả dao lẫn mảnh chai đều

TRÍ TUỆ (Phần hình)

I. Nhận biết chữ cái

Hướng dẫn: Cho trẻ xem bảng chữ cái và yêu cầu: “Cháu hãy đọc những chữ cái mà cô chỉ”.

Lưu ý: Cô lần lượt chỉ từng chữ cho trẻ đọc. Khoanh vào những chữ cái trẻ đọc đúng.

II. Khác biệt

Chuẩn bị: – Bút chì.

– Hướng dẫn trẻ qua các ví dụ trước khi thực hiện các bài tập.

1. Hướng dẫn trẻ cách làm qua 4 ví dụ

Ví dụ 1

Lời dẫn:

- “Cô cháu mình sẽ cùng chơi nhé, cháu hãy nhìn xem cô những hình gì đây?” (Cho trẻ xem hình ví dụ để trên bàn trước mặt trẻ).
- “Cháu thấy hình con mèo không?” đặt ngón tay của cháu vào đó. Hãy nhìn kĩ những hình trong khoanh này. Ở đây có những cái cùng nhóm với nhau, nhưng có một cái không cùng nhóm với những cái khác. Những cái ca cốc cùng nhóm với nhau, cái gì không cùng nhóm với những cái ca cốc?... (chờ trẻ trả lời) quả bóng (nếu trẻ không nói được thì cô sẽ nói “quả bóng”).
- “Quả bóng không cùng nhóm với cái ca, cái cốc. Cháu gạch vào quả bóng vì nó không cùng nhóm với những thứ còn lại”.

Lưu ý: Nhắc trẻ cầm bút gạch vào quả bóng và yêu cầu trẻ gạch cho rõ.

Ví dụ 2

Lời dẫn: “Bây giờ cháu đặt ngón tay vào hình quả tim. Hãy nhìn kĩ những hình trong khoanh này! Những thứ nào cùng nhóm với nhau?... Có thứ nào không cùng nhóm với những thứ khác?... (chờ trẻ trả lời): “Con chó” (nếu trẻ không nói được thì Cô sẽ nói “Con chó”). “Đây toàn là các thứ quả, con chó không thể cùng nhóm. Cháu hãy gạch vào con chó” (Kiểm tra nét gạch của trẻ).

Ví dụ 3

Lời dẫn: – “Bây giờ cháu đặt ngón tay vào cây thông. Hãy nhìn kĩ những hình trong khoanh này, xem những cái nào cùng nhóm với nhau?... Có cái nào không cùng nhóm với những cái khác?...” (chờ trẻ trả lời): “*Cái thìa*” (nếu trẻ không nói được thì Cô sẽ nói “*Cái thìa*”). “*Đây toàn là những thứ để viết, cái thìa không thể cùng nhóm. Cháu gạch nó đi*”.

Ví dụ 4

Lời dẫn: – “Bây giờ cháu đặt ngón tay vào chấm tròn. Hãy nhìn kĩ những hình trong khoanh này, xem hình nào không cùng nhóm với những hình khác?... Gạch vào hình đó khi cháu tìm thấy”. Chờ cho trẻ làm xong và nhận xét “*Tốt*” nếu trẻ gạch đúng vào hình có hình vuông nằm trong hình tròn. Nếu trẻ làm sai thì cô chỉ cho trẻ hình không cùng nhóm với các hình khác.

2. Cho trẻ tự thực hiện các bài tập tiếp theo

Lời dẫn:

“*Bây giờ các cháu tiếp tục chơi nhé. Hãy nhìn cho tinh và gạch cho đúng*”.

Lưu ý:

- Thời gian cho trẻ làm mỗi biểu tượng là 15 giây. Nếu hết 15 giây trẻ vẫn không làm được thì bỏ qua biểu tượng đó và tiếp tục cho trẻ làm biểu tượng sau.
 - Hướng trẻ chú ý vào phần hình của mỗi biểu tượng và cô chỉ nêu yêu cầu một lần.
27. “*Cháu đặt ngón tay vào con mèo. Tìm xem những hình nào cùng nhóm với nhau. Gạch vào hình nào không cùng nhóm với những hình kia. Cháu hãy làm đi*”. Tiếp tục theo cách đó ở các bài sau.
28. “*Đặt ngón tay vào hình quả táo...*”
29. “*Đặt ngón tay vào hình ô tô con...*”
30. “*Đặt ngón tay vào hình chấm tròn...*”
31. “*Đặt ngón tay vào hình ông sao...*”
32. “*Đặt ngón tay vào hình cây thông...*”
33. “*Đặt ngón tay vào hình con mèo...*”
34. “*Đặt ngón tay vào hình quả tim...*”

Kết thúc phần này, giáo viên cho trẻ nghỉ khoảng một phút, rồi mới sang phần tiếp theo.

III. Thông tin – Từ ngữ

1. Hướng dẫn trẻ cách làm qua 3 ví dụ

Ví dụ 1

Lời dẫn: “Chúng ta chơi một trò chơi khác. Cháu đặt ngón tay vào hình bông hoa nhỏ. Cháu hãy nhìn kĩ những hình trong khoanh này. Bây giờ cô nói thứ gì thì cháu gạch vào thứ ấy. Cháu hãy gạch vào hình con voi”.
(*Cô chỉ nói 1 lần*).

Kiểm tra nét gạch của trẻ và yêu cầu trẻ gạch cho rõ.

Ví dụ 2

Lời dẫn: “Bây giờ cháu đặt ngón tay vào hình chấm tròn. Hãy nhìn vào khoanh tròn này. Người ta ngồi lên cái gì? Hãy gạch lên vật gì dùng để ngồi”.

Kiểm tra nét gạch của trẻ và giảng giải: “Cái ghế dùng để ngồi, chúng ta gạch vào cái ghế”. Trường hợp trẻ không làm được thì hỏi lại lần nữa:

“Hãy nhìn xem, có một cái chèn, một sợi dây, một cái chai, một cái ghế. Người ta ngồi vào cái nào? Người ta ngồi vào... cái ghế. Vậy chúng ta gạch vào cái ghế”.

Ví dụ 3

Lời dẫn: “Bây giờ cháu đặt ngón tay lên hình con mèo con. Nhìn kĩ các hình vẽ trong khoanh này. Người ta viết bằng gì? Hãy gạch vào cái đó”.

2. Cho trẻ tự thực hiện các bài tập tiếp theo (*Lưu ý: như ở Phần Khác biệt*)

35. “Bây giờ cháu đặt ngón tay lên hình ngôi nhà. Hãy nhìn vào các hình trong khoanh này và tìm xem đâu là cái ăng ten? Hãy gạch vào cái ăng ten”.
36. “Bây giờ cháu đặt ngón tay lên hình chấm tròn. Hãy gạch vào vật gì có mõm”.
37. “Bây giờ cháu đặt ngón tay lên hình ngôi sao. Hãy gạch vào vật gì có lưới sắc”.
38. “Bây giờ cháu đặt ngón tay lên hình con mèo con. Hãy gạch vào con vịt đứng thứ hai”.
39. “Bây giờ cháu đặt ngón tay lên hình cây thông. Hãy gạch vào cái gì làm bằng bột”.
40. “Bây giờ cháu đặt ngón tay lên hình cái chìa khóa. Hãy gạch vào con số”

41. “Bây giờ cháu đặt ngón tay lên hình cây thông. Hãy gạch vào vật đựng được nước”.
42. “Bây giờ cháu đặt ngón tay lên hình con chó. Hãy gạch vào vật gì có thể đựng được cái khác”.
43. “Bây giờ cháu đặt ngón tay lên hình ngôi sao. Hãy gạch vào vật gì dùng được khi có pin”.
44. “Bây giờ cháu đặt ngón tay lên hình quả tim. Hãy gạch vào con vật gì khi còn nhỏ là con bê”.
45. “Bây giờ cháu đặt ngón tay lên hình cây thông. Muốn biết nhiệt độ người ta dùng cái gì? Hãy gạch vào vật đó”.
46. “Bây giờ cháu đặt ngón tay lên hình cái chìa khóa. Vật gì sẽ biến thành con bướm? Hãy gạch vào vật đó”.
47. “Bây giờ cháu đặt ngón tay lên hình vương. Ở đâu có hình một em gái đứng giữa hai em trai? Hãy gạch vào chỗ đó”.
48. “Bây giờ cháu đặt ngón tay lên hình con mèo. Hãy gạch vào vật nào có quai”.
49. “Bây giờ cháu đặt ngón tay lên hình bông hoa. Chỗ nào có nhiều khối vuông nhất thì gạch vào chỗ đó”.
50. “Bây giờ cháu đặt ngón tay lên hình chấm tròn. Hãy gạch một nét lên cái gì không thể thấy được lúc ban đêm”.

IV. Số

Lưu ý: Ghi nhận xét việc thực hiện các bài tập của trẻ

51. Cháu hãy nhìn kĩ các khung này (Cô vừa nói vừa chỉ vào 2 dãy khung).
Hãy đánh dấu + vào khung nào có 4 hình.
52. Cháu hãy nhìn kĩ các khung này (Cô vừa nói vừa chỉ vào 2 dãy khung).
Hãy đánh dấu + vào khung nào có 5 hình.
53. Cháu hãy nhìn kĩ các khung này (Cô vừa nói vừa chỉ vào 2 dãy khung).
Hãy đánh dấu + vào khung nào có 6 hình.
54. Vẽ thêm hình cho bằng với con số trong mỗi khung.

Hướng dẫn: Cô chỉ vào con số trong khung và nói: “Đây là số mấy? Cháu hãy vẽ thêm hình quả cam (hình chữ nhật...) cho bằng với con số trong khung này”.

Lưu ý: Quan sát cách cầm bút của trẻ và ghi nhận xét về kĩ năng cầm bút.

TRÍ TUỆ (PHẦN HÌNH)

I. Nhận biết chữ cái

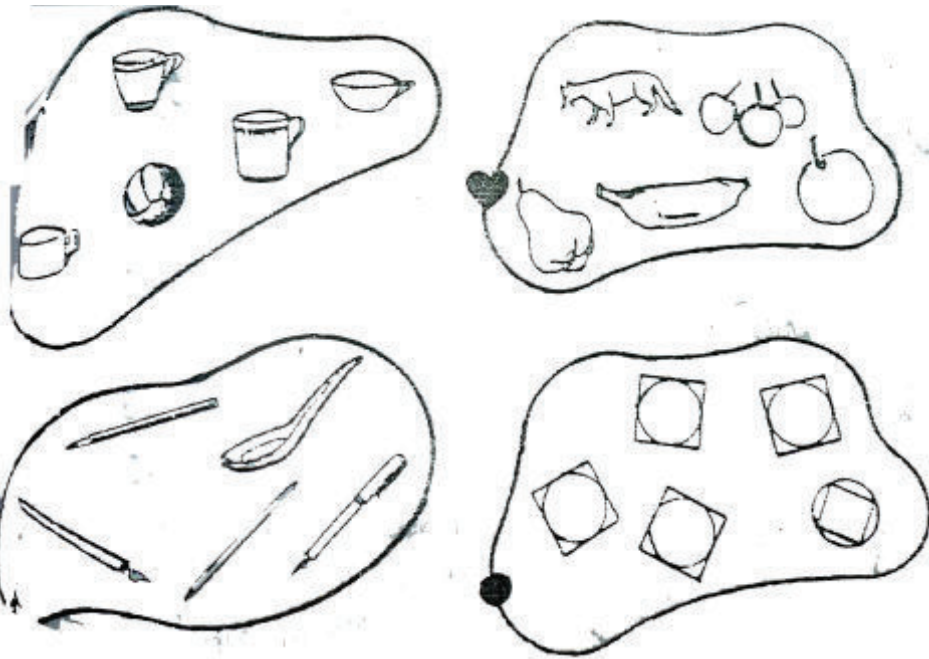
a b c d e

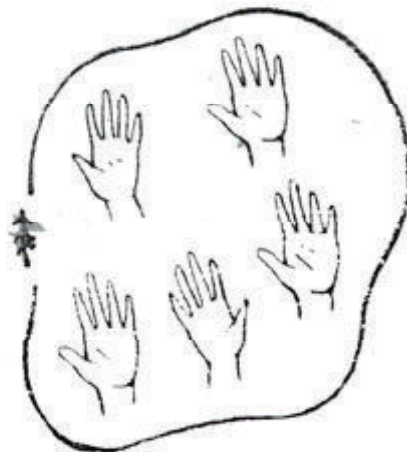
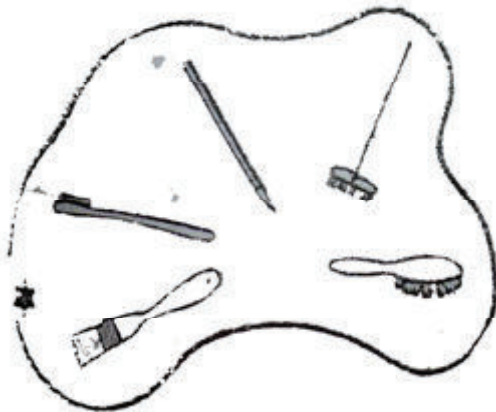
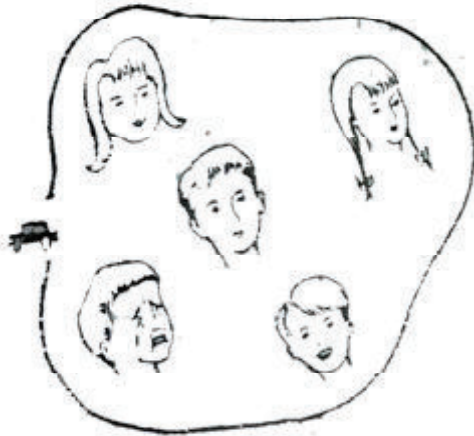
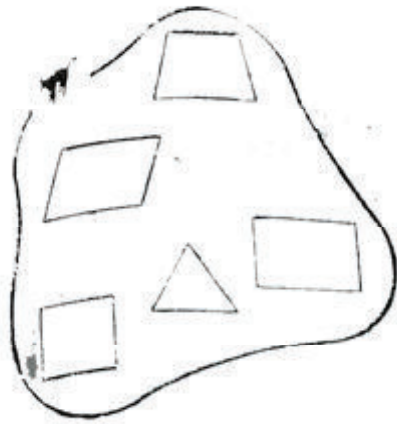
h k n o s

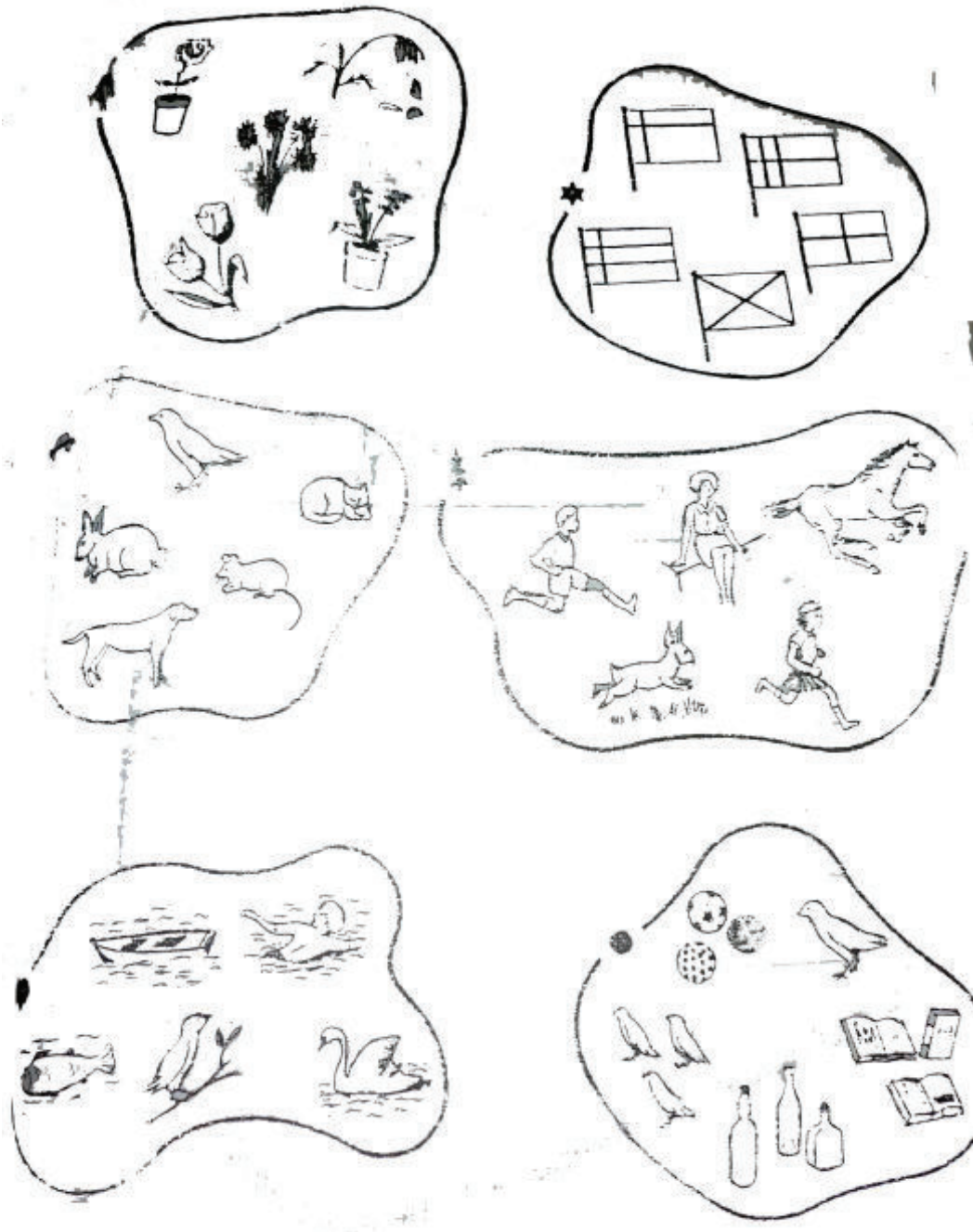
(Khoanh vào những chữ cái mà trẻ đọc đúng)

II. Khác biệt

Ví dụ:

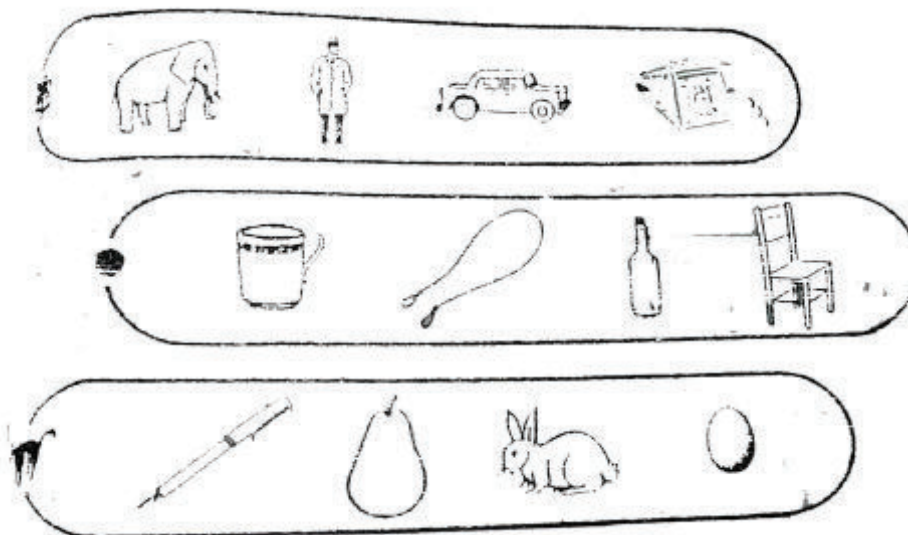




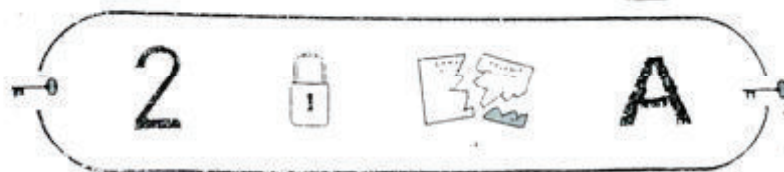
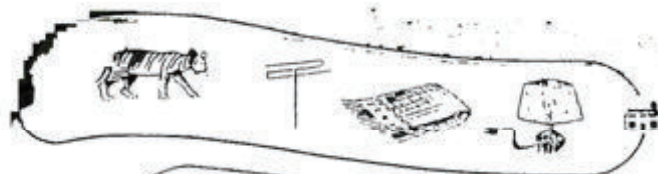


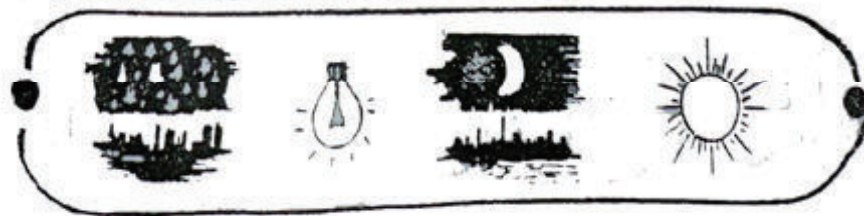
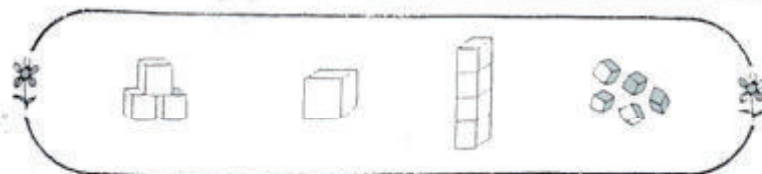
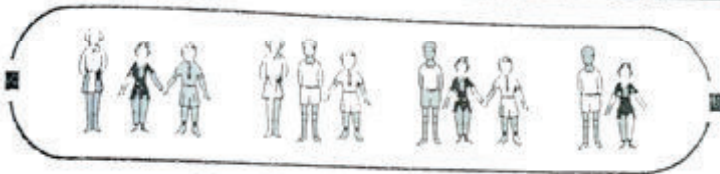
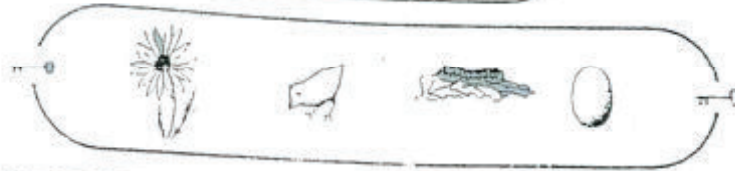
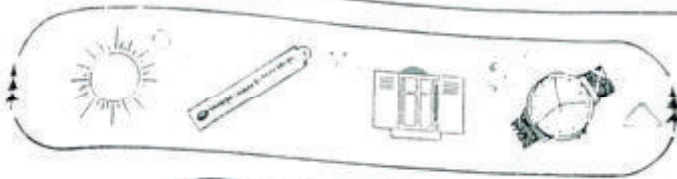
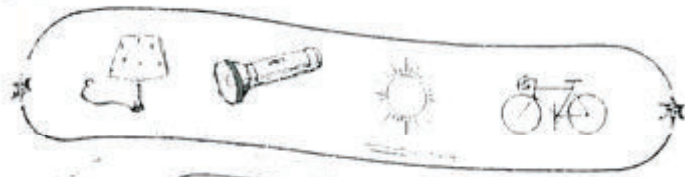
III. Thông tin - Từ ngữ

Ví dụ



THÔNG TIN - TỪ NGỮ



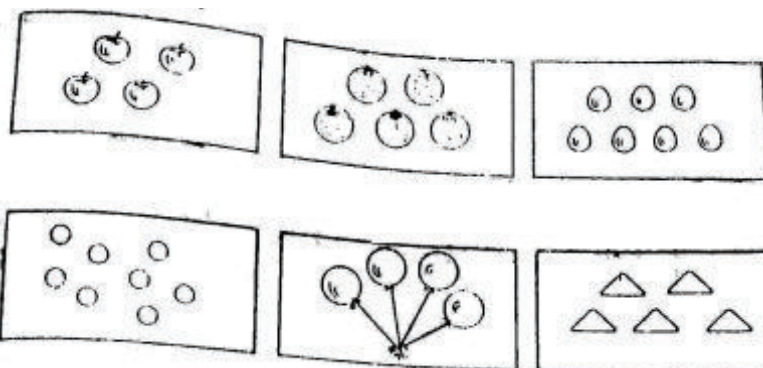


IV. Số

Đánh dấu (+) vào khung nào có 4 hình

+ Trẻ đánh dấu ngay

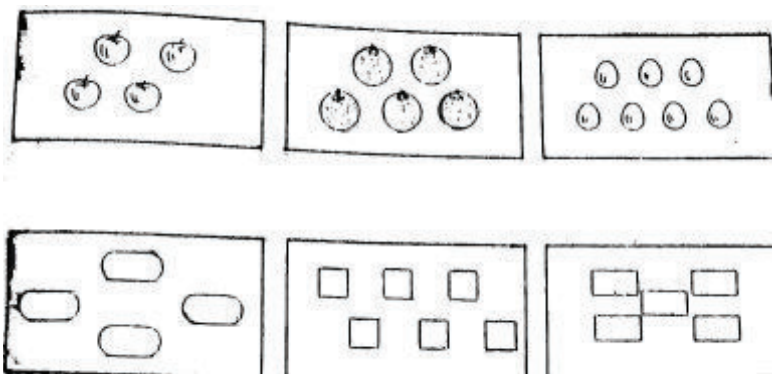
+ Trẻ đếm hình rồi đánh dấu



Đánh dấu (+) vào khung nào có 5 hình

+ Trẻ đánh dấu ngay

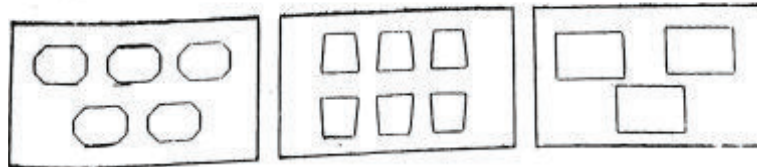
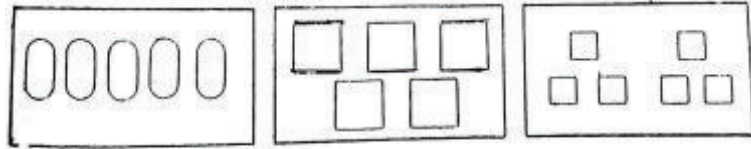
+ Trẻ đếm hình rồi đánh dấu



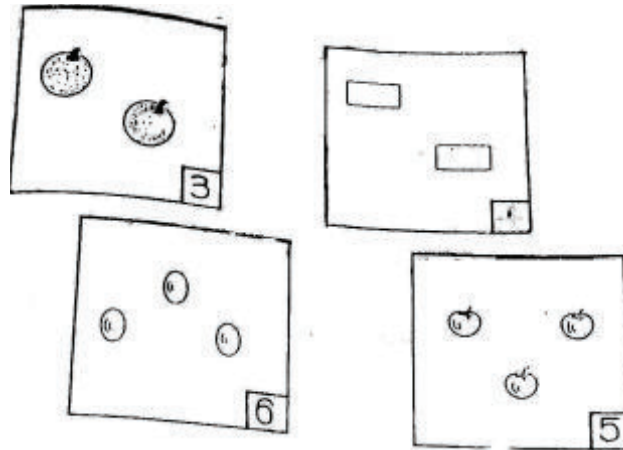
Đánh dấu (+) vào khung nào có 6 hình

+ Trẻ đánh dấu ngay

+ Trẻ đếm hình rồi đánh dấu



Vẽ thêm hình cho bằng với con số trong mỗi khung



B. Cách cho điểm và đánh giá

* Cách cho điểm

Tiểu test	Số phiếu	Điểm tối đa
<i>Trí tuệ (lời)</i>		
- Hiểu biết về bản thân và gia đình	6	6
- Sơ đồ thân thể	4	4
- Biểu tượng về thời gian	4	4
- Trí nhớ (ngắn hạn và dài hạn)		26
- Suy luận		4

<i>Trí tuệ (hình)</i>		
– Nhận biết chữ cái	1	2
– Khác biệt	12	12
– Thông tin – từ ngữ	16	16
– Số	3	10
<i>Tổng cộng</i>		84 điểm

* *Cách đánh giá*

- *Mức 1 (Mức độ rất thấp)*: đạt dưới 35% điểm tối đa của test.
- *Mức 2 (Mức độ thấp)*: đạt từ 35% đến 50% điểm tối đa của test.
- *Mức 3 (Mức độ trung bình)*: đạt trên 50% đến 70% điểm tối đa của test.
- *Mức 4 (Mức độ khá cao)*: đạt trên 70% đến 85% điểm tối đa của test.
- *Mức 5 (Mức độ cao)*: đạt trên 85% điểm tối đa của test.



D. TỔNG KẾT MODULE

- Giảng viên chốt lại những ý chính của module và những hoạt động đã thực hiện nhằm giúp học viên nâng cao nhận thức về đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mầm non để vận dụng vào công tác giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non mới.
- Phát phiếu đánh giá cho học viên trưng cầu ý kiến về kết quả thực hiện module.



E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên mầm non*, NXB Giáo dục, 2004.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Tài liệu tập huấn về công tác giáo viên chủ nhiệm trong trường THCS, THPT*, 2011.

3. Chương trình giáo dục mầm non mới.
4. Lê Minh Hà, Nguyễn Thanh Giang, *Hướng dẫn bé làm quen với toán qua các trò chơi theo chương trình giáo dục mầm non mới* (Tài liệu dành cho giáo viên), Vụ Giáo dục Mầm non, 2010.
5. Phạm Minh Hạc, Lê Khanh, Trần Trọng Thủy, *Tâm lý học*, NXB Giáo dục, 1988.
6. Nguyễn Thị Thu Hiền, *Trò chơi thí nghiệm tìm hiểu môi trường thiên nhiên* (trẻ 5 – 6 tuổi), NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.
7. Hoàng Thị Thu Hương, Vũ Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nga, *Các hoạt động làm quen với toán của trẻ mầm non* (Theo Chương trình giáo dục mầm non mới), 2010.
8. Hoàng Thu Hương, Trần Thị Ngọc Trâm, Bạch Thành Công, Phùng Thị Tường, *Bé làm quen với chữ cái 1, 2*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.
9. Trần Thị Ngọc Trâm, *Bé đến với khoa học qua trò chơi*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.
10. Lê Thu Hương (Chủ biên), *Tuyển chọn trò chơi – bài hát – thơ ca – truyện – câu đố theo chủ đề trẻ 5 – 6 tuổi*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.
11. Lê Thu Hương (Chủ biên), *Tuyển chọn trò chơi – bài hát – thơ ca – truyện – câu đố theo chủ đề trẻ 3 – 4 tuổi*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.
12. Lê Thu Hương (Chủ biên), *Tuyển chọn trò chơi – bài hát – thơ ca – truyện – câu đố theo chủ đề trẻ 4 – 5 tuổi*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2008.
13. Lê Thu Hương, *Tổ chức hoạt động phát triển nhận thức cho trẻ mầm non theo hướng tích cực*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2009.
14. Ken Adams, *Phát huy tiềm năng trí tuệ cho bé* (Dành cho trẻ từ 0 đến 5 tuổi), Bs Nguyễn Hữu Vinh dịch, NXB Phụ nữ, 2010.
15. Su Hurrell, *Dành cho mẫu giáo 3 – 5 tuổi – Giải toán thật dễ! – So sánh và phân loại*, Dịch giả: Đỗ Ngọc Hồng, NXB Dân Trí, 2011.
16. Su Hurrell, *Dành cho mẫu giáo 5 – 6 Tuổi – Giải toán thật dễ! – So sánh và phân loại*, Dịch giả: Đỗ Ngọc Hồng, NXB Dân Trí, 2010.
17. Đinh Thị Nhung, *Trò chơi giúp bé làm quen với số và phép đếm*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.

18. Lê Thị Thanh Nga, *Bé học toán qua các hoạt động với chủ đề thực vật*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.
19. Đỗ Quyên, *365 câu đố giúp trẻ phát triển trí thông minh*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2009.
20. Tạ Ngọc Thanh, *Đánh giá và kích thích sự phát triển của trẻ từ 0 – 3 tuổi*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2004.
21. Tạ Ngọc Thanh, *Đánh giá và kích thích sự phát triển của trẻ từ 3 – 6 tuổi*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2004.
22. Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Đại học Sư phạm, 2004.
23. Nguyễn Bích Thủy (Chủ biên), *Giáo trình Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Hà Nội, 2005.
24. Trần Thị Ngọc Trâm, Tạ Thị Ngọc Thanh, *Sự phát triển của trẻ 3 – 6 tuổi*, Trung tâm Nghiên cứu chiến lược và phát triển chương trình giáo dục mầm non – Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, 2003.
25. Trần Thị Ngọc Trâm, *Nghiên cứu mức độ chín muồi nhập học lớp 1 tiểu học ở trẻ 5 tuổi*, Đề tài cấp Bộ, 2005.
26. Trần Thị Ngọc Trâm, Nguyễn Thị Nga, *Các hoạt động khám phá khoa học của trẻ mầm non (Theo Chương trình giáo dục mầm non mới)*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.
27. Vụ Giáo dục mầm non, *Tài liệu tập huấn về chuẩn phát triển của trẻ mẫu giáo 5 tuổi*, 2006.